

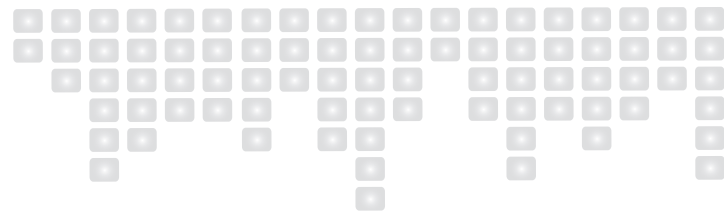
Báo cáo

**CHỈ SỐ**

**KHỞI NGHIỆP**

**VIỆT NAM**

**2017/2018**



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN



**BÁO CÁO**

# **CHỈ SỐ KHỞI NGHIỆP VIỆT NAM 2017/2018**

**Hà Nội, 2018**

**Chỉ số Khởi nghiệp Việt Nam 2017/2018 - GEM Việt Nam 2017/2018**

Chủ biên: TS. Lương Minh Huân - Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

**Nhóm tác giả:**

TS. Phạm Thị Thu Hằng - Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

PGS. TS. Nguyễn Hoàng - Đại học Thương Mại

PGS. TS. Trần Kiều Trang - Đại học Thương Mại

TS. Đỗ Vũ Phương Anh - Tập đoàn Vàng bạc Đá quý DOJI

ThS. Đoàn Thúy Nga - Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

**Cơ quan chủ quản:**

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI

**Báo cáo Chỉ số Khởi nghiệp ở Việt Nam 2017/2018 thuộc bản quyền của:**

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI

Hiệp hội các nhà nghiên cứu kinh doanh toàn cầu - GERA

# Lời mở đầu

**M**ôi trường kinh doanh ở Việt Nam đang ngày càng được cải thiện nhờ các nỗ lực của Chính phủ. Bên cạnh đó, nhiều chương trình, chính sách và quỹ hỗ trợ khởi nghiệp được xây dựng để thúc đẩy phong trào khởi nghiệp ở Việt Nam. Kết quả này đã giúp cộng đồng khởi nghiệp Việt Nam có thêm nhiều cơ hội và khả năng để khởi nghiệp thành công. Ngày càng có nhiều người Việt Nam tham gia vào khởi nghiệp để thành lập ra các dự án kinh doanh. Doanh nhân ngày nay đang ngày càng nhận được sự tôn trọng của xã hội. Chính những nhận thức tích cực này sẽ góp phần giúp thúc đẩy việc khởi sự kinh doanh và giúp các doanh nhân Việt Nam có điều kiện để phát triển tốt hơn.

Để đánh giá thực trạng khởi nghiệp và phát triển kinh doanh tại các quốc gia, nhằm cung cấp những thông tin cập nhật và chính xác về hoạt động kinh doanh trên toàn cầu cho số lượng lớn các nhà hoạch định chính sách, các nhà nghiên cứu, các doanh nhân và những người quan tâm trên toàn thế giới, nghiên cứu Chỉ số khởi nghiệp toàn cầu (Global Entrepreneurship Monitor), được biết đến với tên GEM, đã bắt đầu từ năm 1999. Sau 19 năm triển khai, GEM đã thu hút được khoảng 100 quốc gia tham dự và trở thành nghiên cứu có quy mô lớn nhất về khởi nghiệp trên toàn cầu. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đại diện cho Việt Nam tham gia nghiên cứu GEM từ năm 2013. Dựa theo phương pháp nghiên cứu của GEM, năm 2017, VCCI đã tiến hành xây dựng báo cáo báo cáo Chỉ số khởi nghiệp 2017/2018 - GEM Việt Nam 2017/2018.

Dựa trên dữ liệu thu thập được từ hơn 2 nghìn người trưởng thành và 36 chuyên gia ở Việt Nam, báo cáo Chỉ số khởi nghiệp Việt Nam 2017/2018 - GEM Việt Nam 2017/2018 - đã cho thấy bức tranh về đặc điểm về phát triển kinh doanh ở Việt Nam theo từng giai đoạn trong chu kỳ phát triển, từ những doanh nhân tiềm năng, đến lúc khởi sự, trải qua giai đoạn đầu, cho đến khi phát triển ổn định và cuối cùng là chấm dứt hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, Báo cáo còn giúp đưa ra một khung phân tích điều kiện phát triển kinh doanh ở Việt Nam. Những so sánh với các quốc gia khác, nhất là các quốc gia cùng trình độ phát triển với Việt Nam đã cho thấy tình hình kinh doanh ở Việt Nam năm 2017 đã khả quan hơn, tuy nhiên vẫn còn nhiều bất cập ảnh hưởng tới quá trình khởi sự và phát triển kinh doanh.

VCCI trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ của Hiệp hội các nhà nghiên cứu doanh nhân toàn cầu (Global Entrepreneurship Research Association - GERA) về phương pháp nghiên cứu và khảo sát thực hiện GEM ở Việt Nam. VCCI cảm ơn các tổ chức và cá nhân đã tích cực hỗ trợ VCCI thực hiện nghiên cứu GEM: Đại học Quốc gia Hà Nội, trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Đại học Thái Nguyên, trường Đại học An Giang, trường Đại học Hoa Sen và các cá nhân đã tham gia trả lời các cuộc khảo sát phục vụ cho nghiên cứu GEM 2017 ở Việt Nam.

Báo cáo Chỉ số khởi nghiệp Việt Nam 2017/2018 do Viện Phát triển doanh nghiệp thuộc Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chủ trì và tổ chức nghiên cứu. Với những khuyến nghị chính sách về hỗ trợ khởi nghiệp, chúng tôi tin tưởng rằng, Báo cáo Chỉ số khởi nghiệp Việt Nam 2017/2018 sẽ là một công cụ hữu ích cho sự phát triển kinh doanh và nền kinh tế Việt Nam trong thời gian tới. Do tính phức tạp của nghiên cứu nên khó tránh khỏi có những thiếu sót nhất định, Viện Phát triển doanh nghiệp rất mong nhận được sự quan tâm góp ý của bạn đọc.

# MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	5
MỤC LỤC	6
DANH MỤC VIẾT TẮT	7
DANH MỤC BẢNG	7
DANH MỤC HÌNH	8
TÓM TẮT	9
I. THỰC TRẠNG KHỞI NGHIỆP TOÀN CẦU 2017	11
1.1. Giới thiệu về nghiên cứu chỉ số khởi nghiệp toàn cầu – GEM	11
1.2. Thực trạng khởi nghiệp toàn cầu năm 2017	12
II. CƠ HỘI VÀ TIỀM NĂNG KHỞI NGHIỆP Ở VIỆT NAM NĂM 2017	15
2.1. Nhận thức về cơ hội khởi nghiệp năm 2017	16
2.2. Nhận thức về khả năng kinh doanh năm 2017	16
2.3. Lo sợ thất bại khi kinh doanh năm 2017	17
2.4. Ý định khởi sự kinh doanh năm 2017	18
2.5. Nhận thức của xã hội về doanh nhân năm 2017	19
III. HOẠT ĐỘNG KHỞI SỰ KINH DOANH Ở VIỆT NAM NĂM 2017	20
3.1. Thực trạng khởi sự kinh doanh năm 2017	20
3.2. Động cơ khởi sự kinh doanh năm 2017	22
3.3. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh năm 2017	23
3.4. Khởi nghiệp kinh doanh của phụ nữ năm 2017	24
3.5. Khởi nghiệp trong doanh nghiệp năm 2017	26
3.6. Từ bỏ kinh doanh năm 2017	26
IV. TRIỂN VỌNG KINH DOANH Ở VIỆT NAM NĂM 2017	28
4.1. Triển vọng tăng trưởng về việc làm năm 2017	28
4.2. Định hướng đổi mới sáng tạo năm 2017	30
4.3. Định hướng quốc tế năm 2017	31
V. HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP Ở VIỆT NAM NĂM 2017	32
VI. MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT	36
PHỤ LỤC	39

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

APS	Khảo sát người trưởng thành
ASEAN	Khu vực Đông Nam Á
EB	Hoạt động kinh doanh giai đoạn đã ổn định
EEA	Hoạt động khởi nghiệp cho người chủ của mình
EFC	Khung điều kiện kinh doanh
GEM	Chỉ số khởi nghiệp toàn cầu
GERA	Hiệp hội các nhà nghiên cứu kinh doanh toàn cầu
IDO	Chỉ số tận dụng cơ hội để hoàn thiện hơn
NES	Khảo sát chuyên gia
OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế
TEA	Hoạt động kinh doanh giai đoạn khởi sự
VCCI	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

## DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Các nước tham gia GEM 2017 phân theo khu vực và trình độ phát triển	12
Bảng 2: Thứ hạng các chỉ số trong hệ sinh thái khởi nghiệp ở Việt Nam năm 2013-2017	33
Bảng 3: Hệ sinh thái khởi nghiệp ở Việt Nam và các nước ASEAN năm 2017	35

# DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Nhận thức về cơ hội khởi nghiệp năm 2017 ở Việt Nam	16
Hình 2: Nhận thức khả năng kinh doanh ở Việt Nam năm 2017	17
Hình 3: Lo sợ thất bại khi kinh doanh ở Việt Nam năm 2017	18
Hình 4: Ý định khởi sự kinh doanh ở Việt Nam 2017	19
Hình 5: Nhận thức của xã hội về kinh doanh ở Việt Nam 2017	19
Hình 6: Phát triển kinh doanh ở Việt Nam năm 2017	20
Hình 7: Khởi sự kinh doanh ở Việt Nam so với các nước trên thế giới năm 2017	21
Hình 8: Khởi sự kinh doanh ở Việt Nam theo độ tuổi năm 2017	21
Hình 9: Động cơ khởi sự kinh doanh ở Việt Nam năm 2017	22
Hình 10: Phân bổ các hoạt động khởi nghiệp kinh doanh theo lĩnh vực hoạt động	23
Hình 11: Phân bổ các hoạt động khởi nghiệp kinh doanh theo ngành nghề ở Việt Nam năm 2017	24
Hình 12: Tỷ lệ khởi nghiệp kinh doanh theo giới tính ở Việt Nam năm 2017	25
Hình 13: Động cơ khởi nghiệp kinh doanh theo giới tính ở Việt Nam năm 2017	25
Hình 14: Tỷ lệ khởi nghiệp trong doanh nghiệp ở Việt Nam năm 2017	26
Hình 15: Tỷ lệ từ bỏ kinh doanh ở Việt Nam năm 2017	27
Hình 16: So sánh giữa tỷ lệ từ bỏ kinh doanh và tỷ lệ khởi sự kinh doanh năm 2017	27
Hình 17: Các lý do khiến từ bỏ kinh doanh ở Việt Nam năm 2017	28
Hình 18: Triển vọng tạo việc làm từ các hoạt động khởi nghiệp kinh doanh ở Việt Nam trong 5 năm tới	29
Hình 19: Triển vọng tăng trưởng việc làm ở Việt Nam và các nước trên thế giới	29
Hình 20: Định hướng đổi mới trong các hoạt động kinh doanh ở giai đoạn khởi nghiệp ở Việt Nam	30
Hình 21: Định hướng sáng tạo trong các hoạt động khởi nghiệp ở Việt Nam so thế giới năm 2017	31
Hình 22: Định hướng xuất khẩu ở Việt Nam so với các nước khác năm 2017	32
Hình 23: Hệ sinh thái khởi nghiệp ở Việt Nam giai đoạn 2013-2017	32
Hình 24: Hệ sinh thái khởi nghiệp ở Việt Nam so với các nước trên thế giới năm 2017	34



# TÓM TẮT

**D**ựa trên kết quả khảo sát 2118 người trưởng thành và 36 chuyên gia, Báo cáo Chỉ số khởi nghiệp Việt Nam 2017/2018 (GEM Việt Nam 2017/2018) đã cung cấp một bức tranh bao quát về đặc điểm kinh doanh ở Việt Nam theo từng giai đoạn trong chu kỳ phát triển, từ những doanh nhân tiềm năng, đến lúc khởi sự, trải qua giai đoạn đầu, cho đến khi phát triển ổn định và cuối cùng là chấm dứt hoạt động kinh doanh. Báo cáo đã tập trung nghiên cứu giai khởi nghiệp, tính từ lúc thành lập cho đến khi hoạt động kinh doanh được 3,5 năm. Ngoài ra, Báo cáo còn giúp đưa ra một khung phân tích điều kiện phát triển kinh doanh ở Việt Nam để thấy được những thuận lợi và rào cản khi khởi sự kinh doanh. Các phân tích này đều được so sánh với với các nước trên thế giới, đặc biệt là các nước có cùng trình độ phát triển với Việt Nam, phát triển dựa trên nguồn lực và các nước nằm trong khu vực ASEAN.

Một số phát hiện chính từ Báo cáo GEM Việt Nam 2017/2018 gồm:

- Nhận thức về cơ hội kinh doanh ở Việt Nam năm 2017 đã giảm so với năm 2015 nhưng vẫn cao hơn năm 2013-2014: Có 46,4% người trưởng thành ở Việt Nam nhận thức có cơ hội để khởi sự kinh doanh trong năm 2017, xếp thứ 23/54 (năm 2015 là 56,8% xếp thứ 9/60). Tỷ lệ này trung bình ở các nước phát triển dựa trên nguồn lực là 41,5%.

- Nhận thức về năng lực kinh doanh có xu hướng kém đi: Tỷ lệ người trưởng thành nhận thức là có năng lực kinh doanh năm 2017 là 53%, xếp thứ 19/54, thấp hơn so với 2015 là 56,8%, xếp thứ 19/60. Tỷ lệ này trung bình ở các nước phát triển dựa trên nguồn lực là 53,8%.

- Tỷ lệ người trưởng thành ở Việt Nam lo sợ thất bại trong kinh doanh sau khi giảm đi từ 56,7% năm 2013 xuống 45,6% năm 2015 và tăng nhẹ đã tăng nhẹ lên 46,6% năm 2017, xếp thứ 10/54, cao hơn nhiều so với mức 36,6% ở các nước phát triển dựa trên nguồn lực.

- Tỷ lệ người trưởng thành ở Việt Nam có ý định khởi sự kinh doanh trong vòng 3 năm tới vẫn tiếp tục tăng lên, từ mức 18,2% năm 2014, lên lên 22,3% năm 2015 và đạt 25% năm 2017, xếp thứ 19/54, tuy nhiên vẫn thấp hơn mức trung bình 30,3% ở các nước phát triển dựa trên nguồn lực.

- Cũng giống như trên thế giới, ở Việt Nam, những doanh nhân thành công ngày càng được xã hội coi trọng (74,8%, xếp thứ 15/54) và trở thành doanh nhân là nghề nghiệp đáng mơ ước của 62,1% người trưởng thành, xếp thứ 27/54, thấp hơn so với mức 73,5% của năm 2015.

- Tỷ lệ hoạt động kinh doanh trong giai đoạn khởi sự ở Việt Nam năm 2017 đã tăng cao nhất trong trong giai đoạn 2013-2017, đạt 23,3%, xếp thứ 6/54 (tăng so với vị trí 20/60 của năm 2015), cao hơn so với mức bình quân 16,4% ở các nước phát triển dựa trên nguồn lực.

- Cũng giống như các quốc gia khác, người Việt Nam khởi sự kinh doanh chủ yếu để tận dụng cơ hội (84,1%) hơn là vì không có sự lựa chọn công việc nào tốt hơn (15,9%). Tuy nhiên, người Việt Nam tận dụng cơ hội chủ yếu là để tăng thu nhập (49,4%) chứ không phải để trở nên độc lập hơn (23,5%). Chỉ số động cơ khởi nghiệp của Việt Nam đạt 4,6 điểm, xếp thứ 9/54.

- Ở Việt Nam, tỷ lệ phụ nữ tham gia khởi nghiệp vẫn tiếp tục cao hơn nam giới trong năm 2017 (25% so với 22%). Xét Chỉ số khởi nghiệp từ góc độ bình đẳng giới, Việt Nam vẫn tiếp tục đứng đầu trong số 54 nền kinh tế tham gia năm 2017, đạt 1,14 lần. Tuy nhiên, tỷ lệ phụ nữ khởi nghiệp vì nhu cầu thiết yếu cao so với nam giới (18% so với 13%).

- Các hoạt động kinh doanh trong giai đoạn khởi nghiệp ở Việt Nam vẫn chủ yếu hướng đến phục vụ người tiêu dùng (74,8%). Tuy nhiên, tỷ lệ khởi sự kinh doanh trong các lĩnh vực

khác đã có sự chuyển biến theo hướng tích cực. Tỷ lệ khởi sự kinh doanh trong lĩnh vực chế biến đã tăng từ 14,4% lên 17,7%, còn tỷ lệ khởi sự trong lĩnh vực phục vụ doanh nghiệp cũng đã tăng từ 3,3% lên 6,6%.

- Tỷ lệ khởi nghiệp trong doanh nghiệp ở Việt Nam vẫn ở mức rất thấp, 0,6%, xếp thứ 45/54, thấp hơn mức trung bình 1,4% của các nước phát triển dựa trên nguồn lực như Việt Nam.

- Tỷ lệ người trưởng thành từ bỏ hoạt động kinh doanh của mình trong năm 2017 là 4,2% (xếp thứ 26/54), trong đó có 2,5% hoạt động kinh doanh đã phải chấm dứt và 1,7% hoạt động kinh doanh được vẫn tiếp tục hoạt động. Các tỷ lệ này của Việt Nam đều thấp hơn nhiều so với mức bình quân của các nước ở cùng trình độ phát triển. Ba lý do chính được người Việt Nam nêu ra khi từ bỏ kinh doanh là: gặp vấn đề về tài chính (26,3%), lý do cá nhân (24,4%) và có được một cơ hội việc làm hay một cơ hội kinh doanh khác (18,8%).

- Triển vọng tăng trưởng việc làm đối với các hoạt động kinh doanh ở giai đoạn khởi nghiệp ở Việt Nam năm 2017 là 6,2%, tăng so với mức 5,1% của năm 2015 nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình là 8,4% ở các nước cùng trình độ phát triển, xếp thứ 43/54.

- Dù các hoạt động khởi nghiệp năm 2017 đã mang tính đổi mới nhiều hơn so với năm 2015, nhất là về công nghệ. Nhưng nhìn chung, các hoạt động kinh doanh ở Việt Nam đa phần không mang tính đổi mới. Chỉ số đổi mới sáng tạo trong các hoạt động khởi nghiệp ở Việt Nam năm 2015 chỉ đạt 13,9%, xếp thứ 48/54.

- So với năm 2015, các hoạt động kinh doanh trong giai đoạn khởi nghiệp ở Việt Nam đã có định hướng quốc tế cao hơn, nhưng vẫn ở mức thấp, chỉ có 1,8% hoạt động có trên 25% là khách hàng nước ngoài, trong khi tỷ lệ này trung bình ở các nước phát triển ở giai đoạn I là 8%.

- Hệ sinh thái khởi nghiệp năm 2017 tiếp tục được cải thiện ở những chỉ số đứng đầu nhưng lại kém đi ở những chỉ số đứng cuối. Trong số 12 chỉ số về điều kiện kinh doanh, ba chỉ số mà Việt Nam có thứ hạng cao nhất là: Năng động của thị trường nội địa (5/54), Văn hóa và chuẩn mực xã hội (6/54), Cơ sở hạ tầng (10/54). Ba chỉ số Việt Nam có thứ hạng thấp nhất là: Tài chính cho kinh doanh (39/54), Giáo dục kinh doanh sau phổ thông (40/54) và Chương trình hỗ trợ của Chính phủ (43/54).

Dựa trên các phát hiện trên, Báo cáo Chỉ số khởi nghiệp Việt Nam 2017/2018 đã đưa ra các khuyến nghị chính sách giúp cải thiện điều kiện kinh doanh, thúc đẩy khởi nghiệp và hỗ trợ phát triển các hoạt động kinh doanh ở Việt Nam trong thời gian tới. Các khuyến nghị tập trung vào năm nhóm giải pháp:

- Thứ nhất, cần tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh thông qua việc ổn định kinh tế vĩ mô, gỡ bỏ các rào cản, nhằm tạo thêm lòng tin cho người làm kinh doanh, thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp.

- Thứ hai, xây dựng các chương trình hỗ trợ, khuyến khích phát triển khởi nghiệp có định hướng trong những lĩnh vực ưu tiên, đề cao tính đổi mới sáng tạo và có tính quốc tế cao hơn.

- Thứ ba, cần cải thiện hệ sinh thái khởi nghiệp để thúc đẩy phong trào khởi nghiệp và phát triển kinh doanh ở Việt Nam.

- Thứ tư, cần khuyến khích chuyển đổi hộ kinh doanh phát triển thành doanh nghiệp, hỗ trợ các doanh nghiệp mới khởi sự có thể duy trì và phát triển thành công.

- Thứ năm, các khuyến nghị đối với các hiệp hội doanh nghiệp, doanh nghiệp và cộng đồng khởi nghiệp.

# I THỰC TRẠNG KHỞI NGHIỆP TOÀN CẦU 2017

## 1.1 Giới thiệu về nghiên cứu chỉ số khởi nghiệp toàn cầu – GEM

### 1.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển

Ý tưởng xây dựng chỉ số Chỉ số khởi nghiệp toàn cầu - *Global Entrepreneurship Monitor*, được biết đến với tên viết tắt là GEM được triển khai lần đầu vào năm 1999 với sự tham gia của 10 nước phát triển, trong đó có 7 nước thuộc nhóm G7 là Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản, Vương quốc Anh và Hoa Kỳ và ba nước khác là Đan Mạch, Phần Lan và Israel. Từ chỗ chỉ 10 quốc gia phát triển tham nghiên cứu chỉ số GEM trong năm đầu tiên, sau 19 năm triển khai, nghiên cứu GEM đã được thực hiện ở trên 100 nước và trở thành nghiên cứu có quy mô lớn nhất về kinh doanh trên toàn cầu<sup>(1)</sup>. Với phương pháp nghiên cứu thống nhất được điều hành bởi các nhà nghiên cứu kinh tế hàng đầu của Hiệp hội các nhà nghiên cứu kinh doanh toàn cầu (*Global Entrepreneurship Research Association - GERA*<sup>2</sup>), GEM có thể thu thập được bộ cơ sở dữ liệu đồng bộ tại quốc gia thành viên, từ đó có thể giúp so sánh sự phát triển kinh doanh và các yếu tố tác động đến sự phát triển kinh doanh giữa các quốc gia, giữa các khu vực một cách chính xác và đề xuất các chính sách giúp nâng cao sự phát triển kinh doanh tại các quốc gia.

#### **Danh sách các quốc gia đang và đã từng tham gia vào nghiên cứu GEM gồm:**

Châu Á	China, Hong Kong, India, Indonesia, Iran, Israel, Japan, Jordan, Kazakhstan, Kuwait, Lebanon, Malaysia, Pakistan, Palestine, Philippines, Qatar, Republic of South Korea, Saudi Arabia, Singapore, Syria, Taiwan, Thailand, United Arab Emirates, Viet Nam.
Châu Âu	Austria, Belgium, Bosnia-Herzegovina, Bulgaria, Croatia, Cyprus, Czech Republic, Denmark, Estonia, Finland, France, Germany, Georgia, Greece, Hungary, Iceland, Ireland, Italy, Kosovo, Latvia, Lithuania, Luxembourg, Macedonia, Montenegro, Netherlands, Norway, Poland, Portugal, Romania, Russia, Serbia, Slovakia, Slovenia, Spain, Sweden, Switzerland, Turkey, United Kingdom.
Châu Mỹ	Argentina, Barbados, Belize, Bolivia, Brazil, Canada, Chile, Colombia, Costa Rica, Dominican Republic, Ecuador, El Salvador, Guatemala, Jamaica, Mexico, Panama, Peru, Puerto Rico, Suriname, Trinidad and Tobago, Uruguay, United States of America, Venezuela.
Châu Phi	Algeria, Angola, Botswana, Burkina Faso, Cameroon, Egypt, Etiopia, Ghana, Jamaica, Libya, Madagascar, Malawi, Morocco, Namibia, Nigeria, South Africa, Tunisia, Uganda, Zambia. Australia, New Zealand.
Châu Úc	Australia, New Zealand.

### 1.1.2 Phương pháp nghiên cứu của GEM

Để phân tích được theo mô hình nghiên cứu của GEM, các quốc gia thành viên của GEM phải thực hiện đồng thời hai cuộc điều tra thu thập dữ liệu là: Điều tra người trưởng thành (Adult Population Surveys - APS) và phỏng vấn chuyên gia (National Expert Survey - NES). Hai

<sup>1</sup> Nguồn: [www.gemconsortium.org](http://www.gemconsortium.org)

<sup>2</sup> Global Entrepreneurship Research Association (GERA) là tổ chức sở hữu GEM, có đăng ký dưới hình thức một doanh nghiệp hoạt động phi lợi nhuận theo luật pháp của Vương quốc Anh

cước điều tra này được các chuyên gia của GEM thiết kế, hướng dẫn các quốc gia thành viên thực hiện thu thập dữ liệu của quốc gia. Dữ liệu này sau đó được tổng hợp lại cho các chuyên gia phân tích dữ liệu của GEM xử lý và hợp nhất và gửi lại cho các quốc gia thành viên.

## 1.2 Thực trạng khởi nghiệp toàn cầu năm 2017

Báo cáo GEM toàn cầu 2017/2018 (GEM 2017/18 Global Report) là báo cáo thứ 19 liên tiếp được xây dựng để theo dõi thực trạng khởi nghiệp trên toàn cầu theo nhiều giai đoạn từ doanh nhân tiềm năng đến khi khởi nghiệp và phát triển ổn định với những điều kiện về hệ sinh thái khởi nghiệp tại mỗi quốc gia. Báo cáo này dựa trên kết quả khảo sát hơn 164 nghìn người trưởng thành (APS) và khảo sát hơn 2000 chuyên gia (NES) tại 54 nền kinh tế.

Vùng	Các nước phát triển dựa trên nguồn lực (Giai đoạn I)	Các nước phát triển dựa trên hiệu quả (Giai đoạn II)	Các nước phát triển dựa trên đổi mới (Giai đoạn III)
Châu Phi	Madagascar	Egypt, Morocco, South Africa	
Châu Á và châu Đại Dương	India, Iran, Kazakhstan, Việt Nam	China, Indonesia, Lebanon, Malaysia, Saudi Arabia, Thailand	Australia, Israel, Qatar, Republic of South Korea, Taiwan, Japan, United Arab Emirates
Châu Mỹ Latin và Caribbean		Argentina, Brazil, Chile, Colombia, Ecuador, Guatemala, Mexico, Panama, Peru, Uruguay	Puerto Rico
Châu Âu		Bulgaria, Croatia, Bosnia & Herzegovina, Latvia, Poland, Slovakia	Cyprus, Estonia, France, Germany, Greece, Ireland, Italy, Luxembourg, Netherlands, Slovenia, Sweden, Switzerland, Spain, United Kingdom
Bắc Mỹ			Canada, United States

Bảng 1: Các nước tham gia GEM 2017 phân theo khu vực và trình độ phát triển

Nguồn : GEM 2017/18 Global Report

### 1.2.1 Cơ hội và tiềm năng khởi nghiệp trên toàn cầu năm 2017

#### Nhận thức của xã hội về doanh nhân

Năm 2017, tại 54 nền kinh tế tham gia khảo sát, 70% người trưởng thành cho rằng doanh nhân thành đạt có vị trí cao trong xã hội và được mọi người tôn trọng, 61% tin rằng doanh nhân nhận được sự chú ý tích cực của truyền thông. Ở các nền kinh tế phát triển dựa trên nguồn lực (nhóm I) và các nước phát triển dựa trên hiệu quả (nhóm II), 2/3 số người trưởng thành cho rằng kinh doanh là một sự lựa chọn nghề nghiệp tốt, cao hơn so với mức trung bình 57% ở các nước phát triển dựa trên đổi mới (nhóm III). Châu Phi là khu vực có sự nhận thức của xã hội về khởi

nghiệp tích cực nhất, khi mà 74,5% người được hỏi cho rằng doanh nhân thành đạt có vị trí cao trong xã hội và được mọi người tôn trọng và 76,2% cho rằng kinh doanh là một sự lựa chọn nghề nghiệp tốt. Ở chiều ngược lại, khu vực Mỹ la tinh là nơi có tỷ lệ người cho ủng hộ doanh nhân thành đạt thấp nhất (60,7%). Châu Âu là nơi có tỷ lệ người trưởng thành ưu tiên lựa chọn khởi nghiệp thấp nhất (58,5%) và cũng là nơi có tỷ lệ ủng hộ kinh doanh của truyền thống thấp nhất (54,3%).

### **Nhận thức về cơ hội và khả năng kinh doanh**

Tính trung bình, 43% người trưởng thành trong độ tuổi lao động ở các nước tham gia khảo sát GEM nhận thấy có cơ hội kinh doanh trong vòng 6 tháng tới. Bắc Mỹ là khu vực có tỷ lệ người nhận thức về cơ hội kinh doanh cao nhất (61,9%). Dù có sự ủng hộ của xã hội và tỷ lệ người mong muốn lựa chọn nghề nghiệp kinh doanh cao nhất, nhưng Châu Phi là nơi có tỷ lệ người nhận thấy có cơ hội kinh doanh thấp nhất, chỉ đạt 37,2%. Không có sự khác biệt nhiều về nhận thức cơ hội kinh doanh giữa các nền kinh tế khi phân theo giai đoạn phát triển. Sự khác biệt rõ nét hơn khi xem xét nhận thức về khả năng kinh doanh khi mà tỷ lệ người trưởng thành ở các nền kinh tế thuộc nhóm III cảm thấy họ có đủ khả năng để bắt đầu công việc kinh doanh chỉ là 43%, thấp hơn so với tỷ lệ ở các nền kinh tế thuộc nhóm I (53,8%) và nhóm II (53,5%). Hơn nữa, tỷ lệ người lo sợ thất bại cũng cao nhất ở các nền kinh tế thuộc nhóm III (40,3%), tiếp đến là các nền kinh tế thuộc nhóm I (36,6%) và thấp nhất ở các nền kinh tế thuộc nhóm II (33,9%). Việc người trưởng thành ở các nền kinh tế thuộc nhóm III, nhóm có trình độ phát triển cao nhất, phát triển dựa trên đổi mới, có tỷ lệ lo sợ thất bại cao có thể lý giải bởi ở các nền kinh tế này, có nhiều cơ hội kiếm việc làm hơn là tự khởi sự kinh doanh. Chính vì thế mà tỷ lệ người có ý định khởi sự kinh doanh trong vòng 3 năm tới ở các nền kinh tế thuộc nhóm III chỉ là 15,2%, thấp hơn nhiều so với các nền kinh tế thuộc nhóm II (26,3%) và nhóm I (30,3%).

## **1.2.2 Hoạt động khởi nghiệp trên toàn cầu năm 2017**

### **Các giai đoạn phát triển kinh doanh**

Tỷ lệ trung bình các hoạt động kinh doanh ở giai đoạn khởi sự có xu hướng cao nhất ở nhóm các quốc gia phát triển dựa trên yếu tố đầu vào và giảm dần ở các nước có trình độ phát triển cao hơn: 16,4% ở các quốc gia phát triển dựa trên yếu tố đầu vào, 14,9% ở các quốc gia phát triển dựa trên hiệu quả và 9,2% ở các quốc gia phát triển dựa trên sự đổi mới. Khu vực Mỹ La tinh là nơi có tỷ lệ khởi sự kinh doanh cao nhất khi mà gần 1/5 người trưởng thành đang tham gia vào giai đoạn khởi sự kinh doanh. Châu Âu là nơi có tỷ lệ khởi sự kinh doanh thấp nhất với 8,1% người trưởng thành.

Tỷ lệ các hoạt động kinh doanh đã ổn định cũng thể hiện xu hướng tương tự: cao nhất trong các nhóm quốc gia phát triển dựa trên yếu tố đầu vào với 15,7%, ở các quốc gia phát triển dựa trên hiệu quả là 8,9% và ở các quốc gia phát triển dựa trên sự đổi mới là 6,8%.

Tỷ lệ khởi nghiệp trong doanh nghiệp cao nhất ở các nước thuộc nhóm III – phát triển dựa trên sự đổi mới, với khoảng 5% và giảm dần theo trình độ phát triển: 2% đối với các nước nhóm II và 1% đối với các nước nhóm I. Bắc Mỹ là khu vực có tỷ lệ khởi sự kinh doanh trong doanh nghiệp cao nhất (đạt 7,9%), tiếp đến là Châu Âu (4,4%), trong khi Mỹ La tinh và Châu Phi là nơi có tỷ lệ này thấp nhất, lần lượt đạt 1,6% và 0,9%.

Các nền kinh tế phát triển dựa trên yếu tố đầu vào và các nền kinh tế dựa trên hiệu quả đều có tỷ lệ từ bỏ kinh doanh là 5,4%, cao hơn so với mức 3,6% ở các nền kinh tế dựa trên đổi mới (3%). Hoạt động kinh doanh không có lợi nhuận là lý do chính chủ yếu khiến người trưởng thành ở các nền kinh tế từ bỏ hoạt động kinh doanh của mình: 21,6% ở các nền kinh tế thuộc nhóm I, 38,7% ở các nền kinh tế thuộc nhóm II và 26,4% ở các nền kinh tế thuộc nhóm III.

**Động cơ khởi sự kinh doanh**

Nghiên cứu GEM phân ra hai nhóm động cơ thúc đẩy các cá nhân khởi sự kinh doanh. Nhóm thứ nhất là nhóm khởi sự vì nhu cầu thiết yếu của cuộc sống, là những người khởi sự kinh doanh vì họ không có sự lựa chọn công việc nào tốt hơn. Nhóm thứ hai là nhóm khởi sự để tận dụng cơ hội kinh doanh. Theo cách thức phân loại này, năm 2017, gần 3/4 người trưởng thành trên thế giới khởi sự để tận dụng cơ hội kinh doanh, thấp nhất ở các nền kinh tế thuộc nhóm I, với 67,6% cá nhân khởi sự kinh doanh để theo đuổi cơ hội chứ không phải vì nhu cầu thiết yếu của cuộc sống. Xét theo vùng địa lý, Bắc Mỹ là nơi có tỷ lệ người khởi sự để tận dụng cơ hội cao nhất (82,6%), tiếp đến là Châu Âu (75,4%), trong khi Mỹ La tinh và Châu Phi là nơi có tỷ lệ này thấp nhất, lần lượt đạt 72,7% và 70,9%. Báo cáo GEM toàn cầu 2017/18 đã cho thấy số người khởi nghiệp vì động cơ “để hoàn thiện hơn” cao trung bình gấp 2,3 lần số người khởi sự vì nhu cầu thiết yếu ở các nước thuộc nhóm I. Xét theo vùng, Bắc Mỹ cũng là nơi có chỉ số động cơ khởi nghiệp cao nhất, đạt 5,2 lần, trong khi Châu Phi có chỉ số động cơ khởi nghiệp thấp nhất, chỉ đạt 1,5 lần.

**Giới và phân bố độ tuổi ở giai đoạn khởi nghiệp**

Tỷ lệ nam giới và nữ giới khởi sự kinh doanh thay đổi tùy theo từng quốc gia cho thấy sự khác biệt về phong tục và văn hóa ảnh hưởng đến việc nữ giới tham gia vào kinh doanh. Tuy nhiên, nhìn chung, tỷ lệ nam giới tham gia vào kinh doanh thường cao hơn so với nữ giới. Chỉ có ba nước có tỷ lệ nữ giới tham gia vào kinh doanh bằng hoặc cao hơn nam giới là Ecuador, Việt Nam và Brazil. Mỹ La tinh là nơi có tỷ lệ nữ giới tham gia khởi sự so với nam giới cao nhất (17 nữ/20 nam) trong khi Châu Âu là nơi có tỷ lệ này thấp nhất (6 nữ/10 nam). Xét theo trình độ phát triển kinh tế, các nền kinh tế thuộc nhóm I có tỷ lệ trung bình nữ giới/nam giới tham gia ở giai đoạn khởi nghiệp cao nhất (0,98), tiếp đến là các nền kinh tế thuộc nhóm II (0,76) và cuối cùng là các nền kinh tế thuộc nhóm III (0,63). Tuy nhiên, nếu xét về động cơ khởi nghiệp thì tỷ lệ phụ nữ khởi sự kinh doanh vì nhu cầu thiết yếu cao hơn so với nam giới.

Về độ tuổi, tỷ lệ người nằm trong độ tuổi 25-34 và 35-44 tuổi, những người đang bắt đầu hoặc ở giữa con đường sự nghiệp công danh, tham gia vào khởi sự kinh doanh cao nhất. Đáng chú ý, ở các nền kinh tế thuộc nhóm I, tỷ lệ người trong độ tuổi 55-64 tham gia vào các hoạt động khởi sự kinh doanh đạt 18,2%, cao hơn rất nhiều so với nhóm II (9%) và nhóm III (6%). Mỹ La tinh là vùng có tỷ lệ thanh niên (từ 18-24 tuổi) khởi nghiệp cao nhất, đạt 16,5%, tiếp đến là Bắc Mỹ với 14%. Ở các nền kinh tế thuộc nhóm I, tỷ lệ thanh niên tham gia vào giai đoạn khởi nghiệp đạt 16%, cao gấp đôi so với các nền kinh tế ở nhóm III.

**Lĩnh vực khởi sự kinh doanh**

Hơn 1/2 các doanh nhân ở các nước thuộc nhóm I và II khởi sự kinh doanh ở lĩnh vực bán buôn/bán lẻ, trong khi gần một nửa các doanh nhân ở các nước thuộc nhóm III khởi sự kinh doanh trong các ngành công nghệ thông tin và truyền thông, tài chính, dịch vụ chuyên nghiệp và các ngành dịch vụ khác. Phân theo vùng địa lý, nếu vùng Mỹ La tinh có tỷ lệ khởi sự kinh doanh trong lĩnh vực bán buôn/bán lẻ cao nhất (55,7%) thì Bắc Mỹ lại đứng đầu về tỷ lệ khởi sự kinh doanh trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông, tài chính, dịch vụ chuyên nghiệp và các ngành dịch vụ khác (60,8%). Châu Phi đứng đầu về tỷ lệ khởi sự kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp (12,6%).

**1.2.3 Triển vọng kinh doanh trên toàn cầu năm 2017****Triển vọng tăng trưởng về việc làm**

Có rất nhiều các hoạt động kinh doanh dự kiến không tạo thêm việc làm trong vòng 5 năm tới, trong đó cao nhất ở các nền kinh tế thuộc nhóm I (63,8%), tiếp đến là ở các nước thuộc

nhóm III, (45,3%) và cuối cùng là ở các nước nhóm II (43,2%). Tỷ lệ các hoạt động kinh doanh dự kiến tạo ra từ 6 việc làm trở lên tăng dần theo các giai đoạn phát triển của nền kinh tế: 11,3% ở nhóm I, 18,6% ở nhóm II và 22,2% ở nhóm III. Triển vọng tăng trưởng cao nhất về việc làm ở Bắc Mỹ (29,5%), tiếp đến là Châu Á và châu Đại Dương (21%), Châu Âu (18,5%). Châu Phi là nơi có triển vọng tăng trưởng việc làm thấp nhất (17%).

### **Định hướng đổi mới**

Tỷ lệ các hoạt động khởi nghiệp được coi là có định hướng đổi mới tăng cùng chiều với các giai đoạn phát triển kinh tế: 21% đối với các nước nhóm I, 23,1% các nước nhóm II và 31,2% các nước nhóm III. Xét theo vùng địa lý, khu vực Mỹ La tinh là nơi có tỷ lệ các hoạt động khởi nghiệp mang tính đổi mới thấp nhất (22,9%), còn Bắc Mỹ là nơi cao nhất (39,6%). Cá biệt trong một số nền kinh tế như Chile và Luxembourg chỉ số đổi mới được thể hiện rất cao với khi mà hơn một nửa số hoạt động khởi nghiệp có yếu tố đổi mới sáng tạo về sản phẩm hay dịch vụ.

## **1.2.4 Hệ sinh thái khởi nghiệp trên toàn cầu năm 2017**

Khảo sát GEM đánh giá chất lượng của hệ sinh thái khởi nghiệp thông qua cuộc khảo sát chuyên gia (NES). Cuộc khảo sát này tập trung vào các yếu tố có ảnh hưởng đến cá nhân người khởi nghiệp và các hoạt động khởi nghiệp hơn là các yếu tố môi trường kinh tế vĩ mô. Nhìn chung cơ sở hạ tầng vẫn tiếp tục là chỉ số được xếp hạng cao nhất trong hệ sinh thái khởi nghiệp. Chỉ số có điểm thấp nhất là giáo dục kinh doanh trong trường tiểu học và trung học. Một tín hiệu tích cực là khoảng một nửa các chỉ số của hệ sinh thái khởi nghiệp ở các nền kinh tế đã được cải thiện so với năm 2016, trong đó cải thiện mạnh nhất là tài chính cho khởi nghiệp, giáo dục kinh doanh trong trường tiểu học và trung học, sự năng động của thị trường nội địa.

Theo trình độ phát triển kinh tế, các chỉ số về hệ sinh thái khởi nghiệp ở các nền kinh tế thuộc nhóm III thường cao hơn, trong khi ở các nước thuộc nhóm I vẫn còn nhiều rào cản liên quan đến hệ sinh thái khởi nghiệp. Năm yếu tố cản trở nhất trong hệ sinh thái khởi nghiệp ở các nước thuộc nhóm I là: Giáo dục kinh doanh trong trường tiểu học và trung học, Chuyển giao công nghệ, Chính sách của Chính phủ về thuế và thủ tục hành chính, Các chương trình hỗ trợ của Chính phủ, Rào cản ngại gia nhập thị trường. Trong khi đó, ở các nền kinh tế thuộc nhóm II, 5 yếu tố cản trở nhất là: Giáo dục kinh doanh trong trường tiểu học và trung học, Chính sách của Chính phủ về thuế và các quy định, Chuyển giao công nghệ, Chính sách của Chính phủ về hỗ trợ, Các chương trình hỗ trợ của Chính phủ. Ở các nền kinh tế thuộc nhóm III, 4 yếu tố cản trở nhất là: Giáo dục kinh doanh trong trường tiểu học và trung học, Chính sách của Chính phủ về

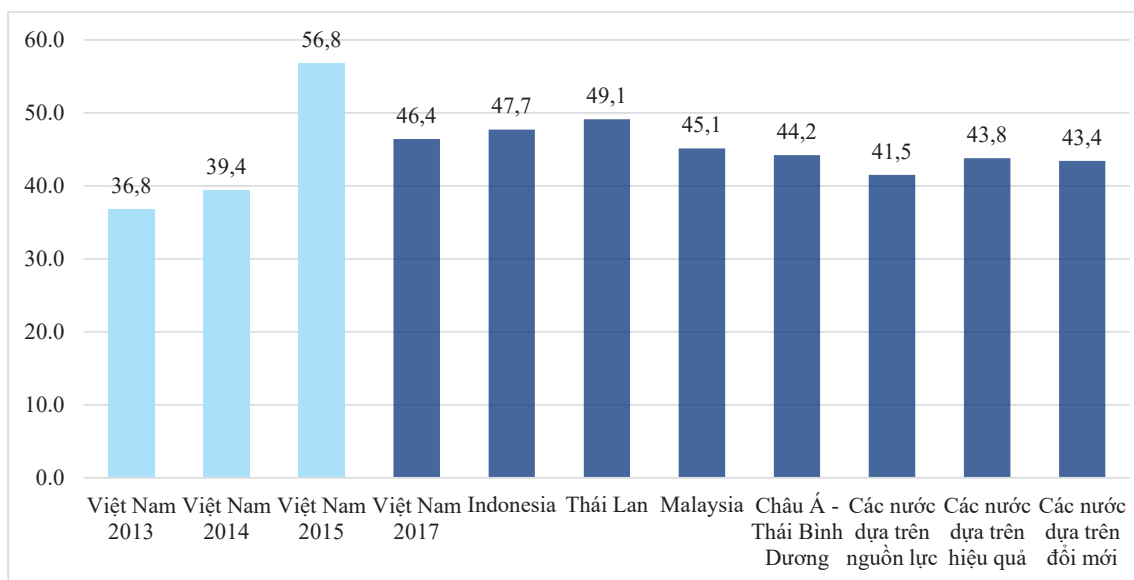
## **II CƠ HỘI VÀ TIỀM NĂNG KHỞI NGHIỆP Ở VIỆT NAM NĂM 2017**

Việc đánh giá thái độ và nhận thức đối với kinh doanh của quốc gia sẽ giúp cung cấp góc nhìn sâu sắc về động cơ của cá nhân khi khởi nghiệp. Nhận thức của người dân về việc khởi sự và phát triển kinh doanh được đánh giá dựa trên các chỉ số sau:

- ▶ Nhận thức về cơ hội khởi nghiệp
- ▶ Nhận thức về năng lực kinh doanh
- ▶ Khả năng đối mặt với rủi ro
- ▶ Ý định khởi sự kinh doanh
- ▶ Nhận thức của xã hội về doanh nhân

## 2.1 Nhận thức về cơ hội khởi nghiệp năm 2017

Tỷ lệ người trưởng thành nhận thấy có cơ hội để bắt đầu một việc kinh doanh mới ở Việt Nam sau khi tăng mạnh lên mức 56,8% vào năm 2015 (xếp thứ 9/60), đã **giảm xuống còn 46,4% vào năm 2017, xếp thứ 23/54 nền kinh tế**. Tuy tỷ lệ này có giảm so với năm 2015, nhưng tăng cao hơn so với các năm 2013-2014 và theo đúng xu hướng tăng của các năm này. Như vậy có thể thấy, dường như tỷ lệ tăng của năm 2015 chỉ là sự đột biến, khởi đầu của một làn sóng khởi nghiệp ở Việt Nam trong những năm gần đây. Tỷ lệ nhận thức về cơ hội kinh doanh ở Việt Nam năm 2017 vẫn cao hơn so với mức bình quân của các nước đang ở trong giai đoạn phát triển tương tự như Việt Nam, tăng trưởng kinh tế dựa trên các yếu tố đầu vào cũng như các nước phát triển ở các giai đoạn cao hơn.



Hình 1: Nhận thức về cơ hội khởi nghiệp năm 2017 ở Việt Nam

Đơn vị : %

Nguồn: Khảo sát người trưởng thành trên toàn cầu năm 2017

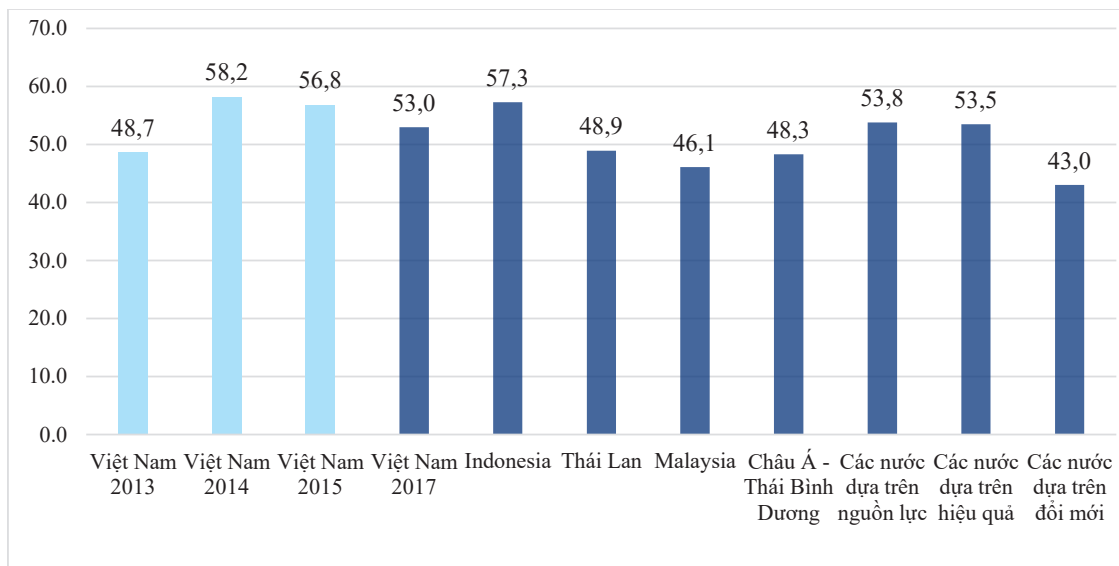
Nếu so với các nước trong khu vực ASEAN cùng tham gia khảo sát năm 2017, tỷ lệ người trưởng thành nhận thức về cơ hội khởi nghiệp ở Việt Nam cao hơn ở Malaysia nhưng thấp hơn so với Indonesia và Thái Lan. So với mặt bằng chung của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, tỷ lệ người nhận thức có cơ hội kinh doanh ở Việt Nam năm 2017 là cao hơn.

## 2.2 Nhận thức về khả năng kinh doanh năm 2017

Năm 2017, tỷ lệ người trưởng thành được hỏi ở Việt Nam tự đánh giá có đủ kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm cần thiết để bắt đầu kinh doanh vẫn có xu hướng giảm đi, từ mức 58,2% của năm 2014 xuống 56,8% của năm 2015 và còn 53% năm 2017. Việc tỷ lệ người Việt Nam tự tin về khả năng kinh doanh có giảm đi so với năm 2014 và 2015 dù ngày các có nhiều chương trình hỗ trợ đào tạo cho khởi sự kinh doanh, cho thấy những lo ngại về sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt trong kinh doanh trong bối cảnh Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Đáng chú ý, tỷ lệ người Việt Nam tự đánh giá có khả năng kinh doanh vẫn thấp hơn so với bình quân của các nước phát triển ở giai đoạn I (53,8%). **Việt Nam xếp thứ 19 trên tổng**



**số 54 nền kinh tế về nhận thức khả năng kinh doanh năm 2017**, cùng với thứ hạng năm 2015 nhưng là so với 60 nền kinh tế.



Hình 2: Nhận thức khả năng kinh doanh ở Việt Nam năm 2017

Đơn vị : %

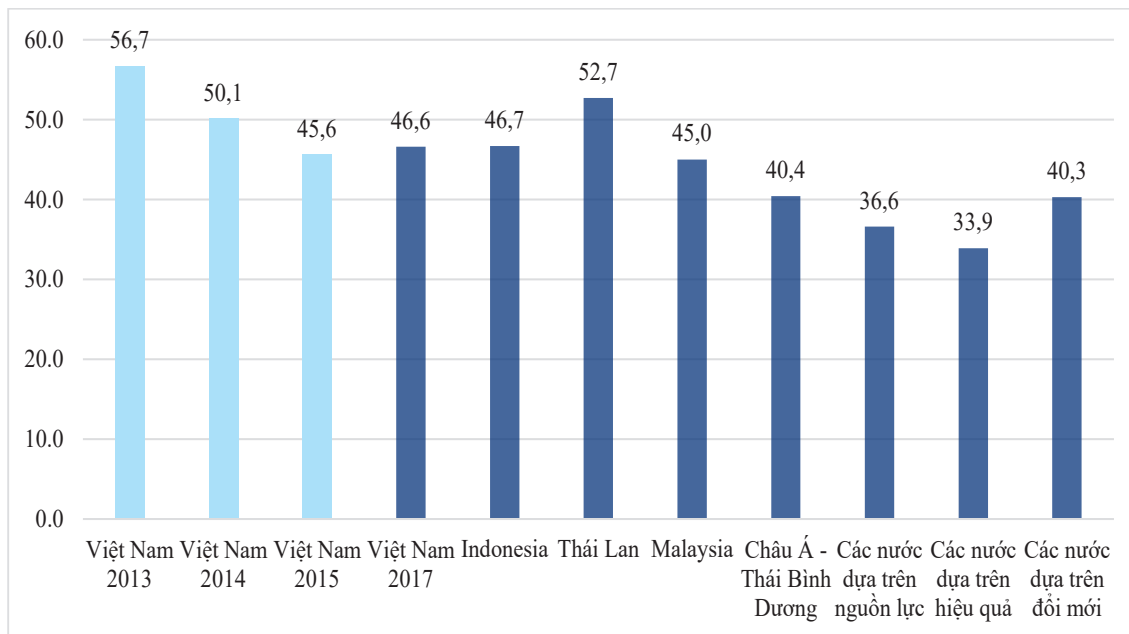
Nguồn: Khảo sát người trưởng thành trên toàn cầu năm 2017

Tuy tỷ lệ người nhận thức về khả năng kinh doanh có giảm đi, nhưng so với các nước trong khu vực ASEAN, tỷ lệ này của Việt Nam vẫn cao hơn so với các nước Thái Lan (48,9%, xếp thứ 27/54) và Malaysia (46,1%, xếp thứ 33/54), chỉ thấp hơn so với Indonesia (57,3%, xếp thứ 12/54). Tuy nhiên, cần phải lưu ý thêm là Malaysia thuộc nhóm III - các nước phát triển dựa trên đổi mới, còn Thái Lan và Indonesia thuộc nhóm II - các nước phát triển dựa trên hiệu quả, trong khi Việt Nam vẫn thuộc nhóm các nước phát triển dựa trên nguồn lực (chính xác hơn là đang ở giai đoạn chuyển từ nhóm I sang nhóm II). Nghiên cứu GEM toàn cầu 2017/18 cũng chỉ ra rằng, ở các nước càng phát triển, tỷ lệ người nhận thức về khả năng kinh doanh càng thấp hơn so với các nước ở giai đoạn trước. Chính vì thế, tỷ lệ này ở Việt Nam là vẫn thấp và cần phải cải thiện, dù vẫn cao hơn sơ với mặt bằng chung của khu vực Châu Á – Thái Bình Dương (48,3%). Điều này cho thấy Việt Nam vẫn cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo dục đào tạo kiến thức và kỹ năng khởi nghiệp và vận hành hoạt động kinh doanh cho người dân và phát triển các chương trình hỗ trợ đào tạo khởi nghiệp.

### 2.3 Lo sợ thất bại khi kinh doanh năm 2017

Chỉ số lo sợ thất bại khi kinh doanh của Việt Nam năm 2017 có tăng nhẹ, lên 46,6%, sau khi đã giảm mạnh từ mức 56,7% của năm 2013, xuống 50,1% của năm 2014 và 45,6% của năm 2015. Xu hướng lo sợ thất bại tăng lên trong năm 2017 dường như cũng là xu hướng chung của nhiều nước, vì vậy mà dù tăng lên, nhưng thứ hạng của Việt Nam đã giảm từ vị trí số 8/60 năm 2015 xuống còn vị trí 10/54 năm 2017 (càng vị cao chứng tỏ tỷ lệ lo sợ thất bại càng cao). Những năm gần đây, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực để cải thiện môi trường kinh doanh, xây dựng một Chính phủ kiến tạo, nhờ đó đã giúp dần lấy lại lòng tin của người làm kinh doanh. Tuy nhiên, tỷ lệ người lo sợ thất bại trong kinh doanh ở Việt Nam vẫn ở mức cao, nhất là so với

mặt bằng chung của các nước cùng trình độ phát triển như Việt Nam. Nghiên cứu GEM luôn chỉ ra rằng, ở các quốc gia càng phát triển, người dân càng cẩn thận hơn khi tham gia vào kinh doanh, chính vì vậy sự lo sợ thất bại gây cản trở nhiều hơn ở các nước này. Tuy nhiên, với một quốc gia đang phát triển ở giai đoạn đầu, tỷ lệ lo sợ thất bại khi kinh doanh của người Việt Nam năm 2017 vẫn ở mức cao so với các quốc gia cùng trình độ phát triển và cao hơn mức trung bình của các nước phát triển ở giai đoạn III.



Hình 3: Lo sợ thất bại khi kinh doanh ở Việt Nam năm 2017

Đơn vị: %

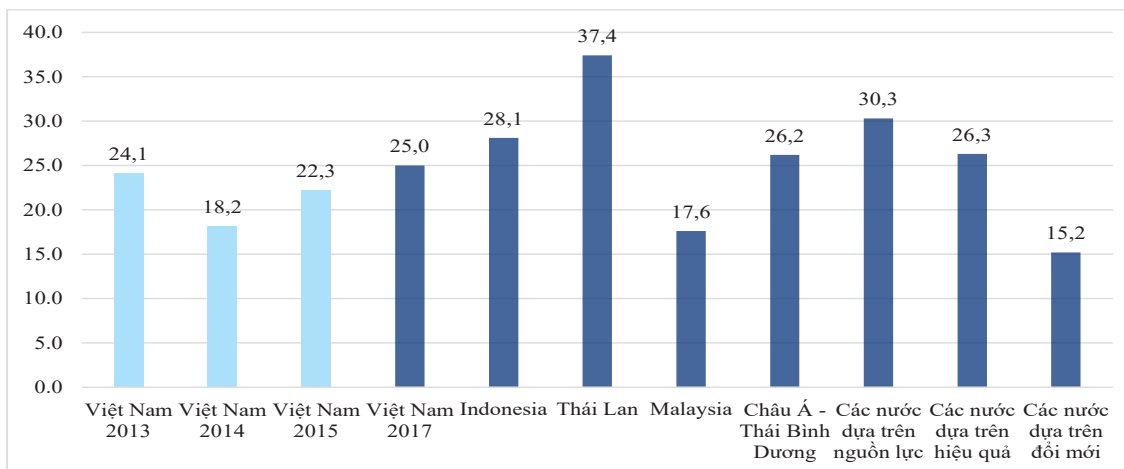
Nguồn: Khảo sát người trưởng thành trên toàn cầu năm 2017

Khu vực ASEAN dường như là nơi mà tỷ lệ người lo sợ thất bại trong kinh doanh luôn ở mức cao khi Thái Lan (đạt 52,7% và xếp thứ 5/54) và Indonesia (46,7%, xếp thứ 9/54) cao hơn cả Việt Nam, còn Malaysia, dù có thấp hơn Việt Nam, nhưng cũng có đến 45% người lo sợ thất bại, xếp thứ 11/54, ngay sau Việt Nam. Lo sợ thất bại chính là một trong những rào cản quan trọng khiến nhiều người chưa bắt tay vào khởi sự kinh doanh dù đã nhận thấy có cơ hội kinh doanh. Để có thể giúp người dân vượt qua rào cản này, ngoài việc cải thiện môi trường kinh doanh thì Việt Nam cần phải có các giải pháp để nâng cao khả năng kinh doanh cho người dân. Kết quả nghiên cứu GEM 2015/16 đã cho thấy mối quan hệ tỷ lệ nghịch giữa khả năng kinh doanh và sự lo sợ thất bại. Ở các quốc gia mà tỷ lệ người dân cảm thấy có khả năng kinh doanh cao thì tỷ lệ người lo sợ thất bại trong kinh doanh thường thấp.

## 2.4 Ý định khởi sự kinh doanh năm 2017

Kết quả nghiên cứu GEM 2017/18 đã cho thấy mối quan hệ tỷ lệ nghịch giữa trình độ phát triển kinh tế và tỷ lệ người có ý định khởi sự kinh doanh. Các nước phát triển ở giai đoạn I có tỷ lệ người có ý định khởi sự trung bình cao nhất, 30,3%, tiếp đến là các nước phát triển ở giai đoạn II với 26,3% và cuối cùng là các nước ở giai đoạn III, 15,2%. Ở Việt Nam, tỷ lệ người có ý định khởi sự vẫn tiếp tục có xu hướng tăng lên kể từ năm 2014, đạt 25% vào năm 2017, xếp thứ 19/54 nền kinh tế. Điều này có nghĩa là cứ 4 người thì có 1 người có ý định khởi sự kinh doanh trong vòng 3 năm tới ở Việt Nam. Đây chính là một trong những yếu tố quan trọng

giúp thực hiện mục tiêu có được 1 triệu doanh nghiệp hoạt động đến năm 2020 theo Nghị quyết 35/NQ-CP. Tuy nhiên, nếu so với tỷ lệ trung bình của các nước phát triển ở giai đoạn I, thì tỷ lệ này vẫn còn thấp hơn, thậm chí thấp hơn cả so với trung bình của các nước phát triển ở giai đoạn II.



Hình 4: Ý định khởi sự kinh doanh ở Việt Nam 2017

Đơn vị: %

Nguồn: Khảo sát người trưởng thành trên toàn cầu năm 2017

So với các nước trong khu vực ASEAN, tỷ lệ người có ý định khởi sự ở Việt Nam thấp hơn so với Thái Lan (37,4%, xếp thứ 11/54) và Indonesia (28,1%, xếp thứ 14/54), những nước thuộc nhóm II, và chỉ cao hơn Malaysia (17,6%, xếp thứ 24/54), nước thuộc nhóm III. Điều này cho thấy tỷ lệ người có ý định khởi sự kinh doanh ở Việt Nam trong ba năm tới vẫn ở mức thấp và cần phải có các chính sách khuyến khích khởi nghiệp, nhất là thông qua việc đào tạo nâng cao năng lực, trang bị kiến thức khởi sự kinh doanh cho người trưởng thành ở Việt Nam.

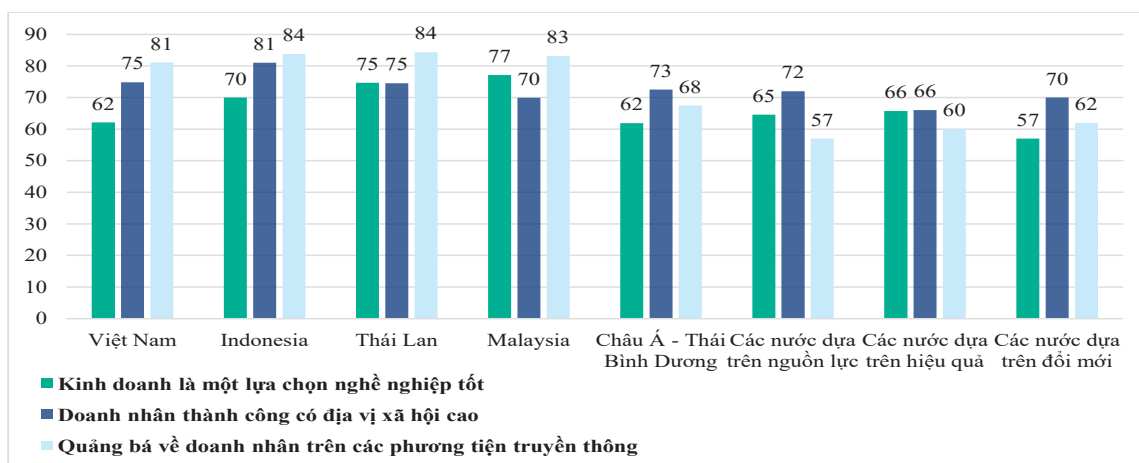
## 2.5 Nhận thức của xã hội về doanh nhân năm 2017

Để đánh giá nhận thức của xã hội về doanh nhân và công việc kinh doanh, nghiên cứu GEM đã dựa vào 3 chỉ số:

- ▶ Tỷ lệ người đồng ý rằng *kinh doanh là một lựa chọn nghề nghiệp tốt*
- ▶ Tỷ lệ người đồng ý rằng *những người kinh doanh thành công có vị trí xã hội cao*
- ▶ Tỷ lệ người đã được nghe *quảng bá về các câu chuyện kinh doanh thành công trên các phương tiện thông tin đại chúng*

Kết quả nghiên cứu GEM hàng năm đã cho thấy công việc kinh doanh và doanh nhân ngày nay đã được cả thế giới thừa nhận và tôn trọng. Ở hầu khắp các nước trên thế giới, đa số người dân đều coi kinh doanh là một lựa chọn nghề nghiệp đáng mơ ước.

Ở Việt Nam, tỷ lệ người được hỏi có mong muốn lựa chọn nghề nghiệp là kinh doanh là 62,1%, xếp thứ 27/54, thấp hơn so với mức trung bình 65% của các nước phát triển dựa trên nguồn lực. Ngoài ra, có 74,8% người Việt Nam được hỏi đồng ý với nhận định rằng những doanh nhân thành đạt thường có vị trí cao trong xã hội và được mọi người



Hình 5: Nhận thức của xã hội về kinh doanh ở Việt Nam 2017

Đơn vị : %

Nguồn: Khảo sát người trưởng thành trên toàn cầu năm 2017

tôn trọng, xếp thứ 15/54. Sự phát triển của các phương tiện truyền thông đã góp phần không nhỏ vào quảng bá các hình ảnh về những doanh nhân thành đạt ở Việt Nam, 81,1% người trưởng thành được hỏi khẳng định đã nghe các câu chuyện về doanh nhân qua các phương tiện thông tin truyền thông, giúp Việt Nam xếp thứ 7/54 về chỉ số này năm 2017.

So với các năm trước, dường như tỷ lệ người mong muốn lựa chọn trở thành doanh nhân có giảm đi chỉ còn 62% năm 2017, sau khi đã tăng trong giai đoạn 2013-2015, từ mức 63% lên 73%. Tỷ lệ này đã thấp hơn so với các nước ASEAN cũng như các nước ở cùng trình độ phát triển với Việt Nam. Điều này cho thấy mặc dù các phương tiện truyền thông vẫn thực hiện tốt chức năng tuyên truyền, nhưng có vẻ như sau khi một giai đoạn cao trào về câu chuyện “quốc gia khởi nghiệp”, nhận thức của người dân về vấn đề khởi sự kinh doanh đã rõ ràng hơn, chứ không theo phong trào.

### III HOẠT ĐỘNG KHỞI SỰ KINH DOANH Ở VIỆT NAM NĂM 2017

#### 3.1 Thực trạng khởi sự kinh doanh năm 2017

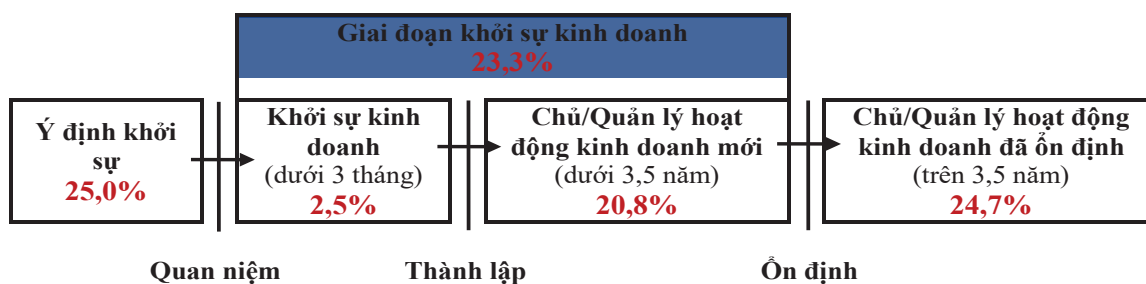
Để đánh giá sự phát triển kinh doanh ở các quốc gia, nghiên cứu GEM đã xây dựng ra hai chỉ số:

- ▶ **Tỷ lệ các hoạt động kinh doanh ở giai đoạn khởi sự** (Total Early-stage Entrepreneurial Activity - TEA), bao gồm: các hoạt động kinh doanh đang khởi sự (dưới 3 tháng) và các hoạt động kinh doanh mới khởi sự thành công (dưới 3,5 năm)
- ▶ **Tỷ lệ các hoạt động kinh doanh đã ổn định** (Established business ownership - EB), bao gồm các hoạt động kinh doanh từ 3,5 năm trở lên.

Hình 6 tóm tắt những nét cơ bản về phát triển kinh doanh ở Việt Nam năm 2017. Chỉ số TEA của Việt Nam là 23,3%, trong đó tỷ lệ các hoạt động kinh doanh đang khởi sự là 2,5% và tỷ lệ hoạt động kinh doanh đã mới khởi sự thành công là 20,8%. Điều này có nghĩa là trong năm 2017, cứ 100 người trưởng thành thì có 23 người đang trong giai đoạn khởi sự kinh doanh. Tỷ lệ này đã cao hơn so với các năm trước đây, cụ thể: 2015 là 13,7%, năm 2014 là 15,3% và năm 2013

là 15,2%. Sự tăng trưởng này cho thấy kết quả của việc cải thiện môi trường kinh doanh và các chính sách khuyến khích khởi nghiệp ở Việt Nam trong thời gian qua.

Cần lưu ý rằng đối tượng nghiên cứu của GEM là các hoạt động kinh doanh nói chung, chứ không chỉ tập trung vào khu vực doanh nghiệp. **Theo định nghĩa của GEM, tất cả các hoạt động nhằm tạo việc làm và mang lại thu nhập cho mình hoặc/và cho người khác đều là các hoạt động về kinh doanh (trừ trong lĩnh vực nông nghiệp).** Tuy nhiên, nếu xét trong khu vực doanh nghiệp, số liệu của Cục Quản lý đăng ký kinh doanh cũng ghi nhận sự tăng trưởng mạnh về số lượng doanh nghiệp mới thành lập năm 2017 với 126.859 doanh nghiệp, cao nhất từ trước đến nay.

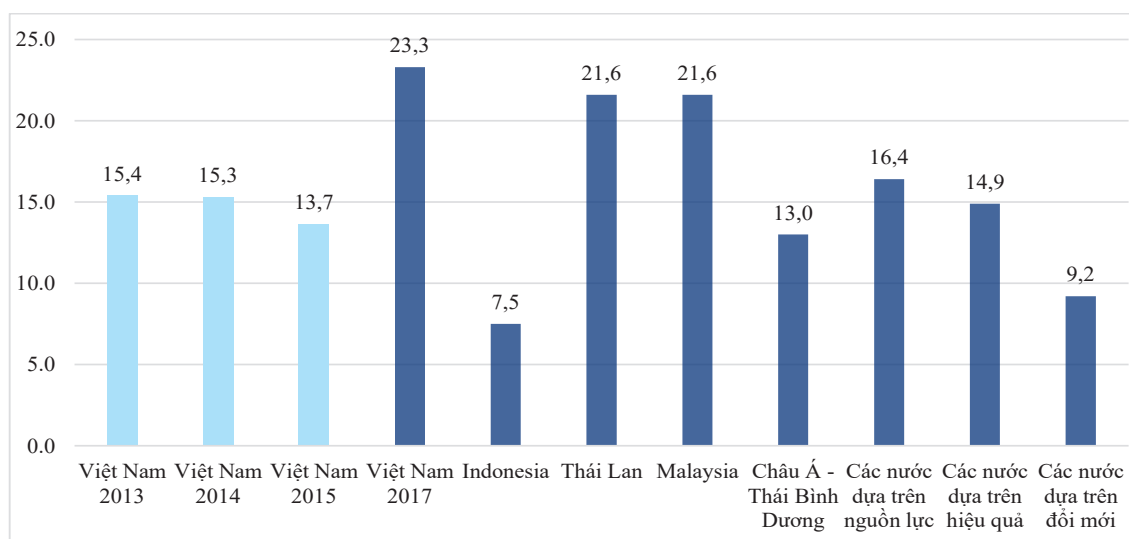


Hình 6: Phát triển kinh doanh ở Việt Nam năm 2017

Đơn vị: %

Nguồn: Khảo sát người trưởng thành ở Việt Nam 2017

Chính nhờ có sự tăng trưởng mạnh này mà **Việt Nam đã tăng từ vị trí 20/60 năm 2015 lên 6/54 năm 2017 về tỷ lệ người trong giai đoạn khởi sự kinh doanh (TEA)**. Tỷ lệ TEA của Việt Nam đã cao hơn so với các nước trong khu vực ASEAN cùng tham gia nghiên cứu GEM năm 2017, gồm Indonesia (7,5%, xếp thứ 41/54), Thái Lan (21,6%, xếp thứ 8/54), Malaysia (21,6%, xếp thứ 8/54). TEA của Việt Nam cũng cao hơn nhiều so với mức trung bình của các nước phát triển ở giai đoạn I cũng như các nước ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương.

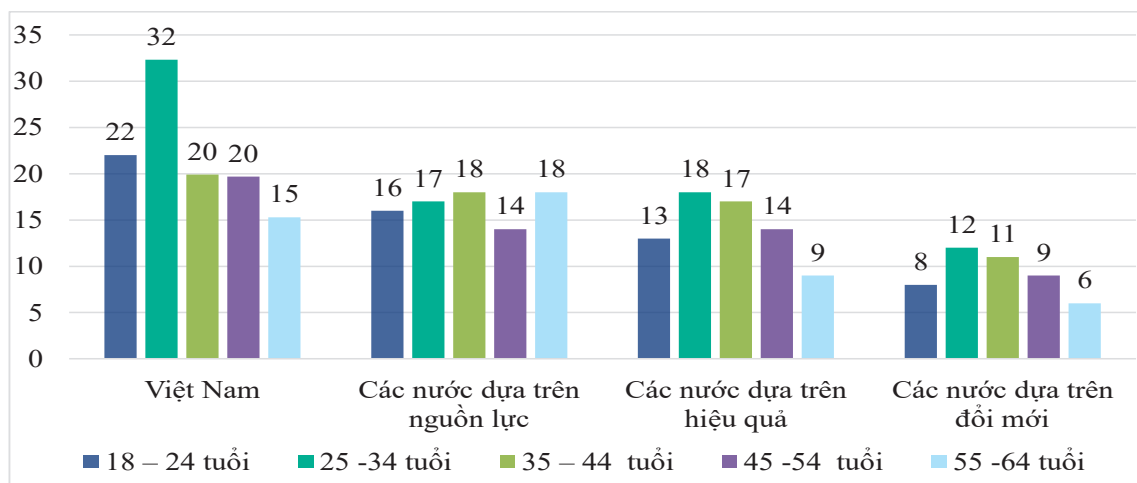


Hình 7: Khởi sự kinh doanh ở Việt Nam so với các nước trên thế giới năm 2017

Đơn vị: %

Nguồn: Khảo sát người trưởng thành trên toàn cầu năm 2017

Xét về độ tuổi, theo kết quả nghiên cứu GEM 2017/18, tỷ lệ người nằm trong độ tuổi 25-34 tham gia vào giai đoạn khởi sự kinh doanh cao nhất. Điều này cũng đúng ở Việt Nam khi mà có đến 32% tỷ lệ người trong nhóm tuổi này tham gia vào giai đoạn khởi sự kinh doanh, bỏ cách xa so với các nhóm tuổi khác. Cũng như ở các nước phát triển ở giai đoạn I, tỷ lệ người trong độ tuổi 18-24 tham gia vào khởi nghiệp ở Việt Nam cũng khá cao so với các nước phát triển ở giai đoạn II và giai đoạn III, đạt 22%. Một trong những lý do của thực trạng này là do tỷ lệ thanh niên thất nghiệp ở các nước nhóm I thường cao hơn, do vậy xu hướng khởi sự tự tạo việc làm cho mình cũng cao hơn. Theo báo cáo của Bộ Lao động và Thương binh xã hội, tỷ lệ thất nghiệp ở thanh niên năm 2017 ở Việt Nam đã tăng lên.



Hình 8: Khởi sự kinh doanh ở Việt Nam theo độ tuổi năm 2017

Đơn vị : %

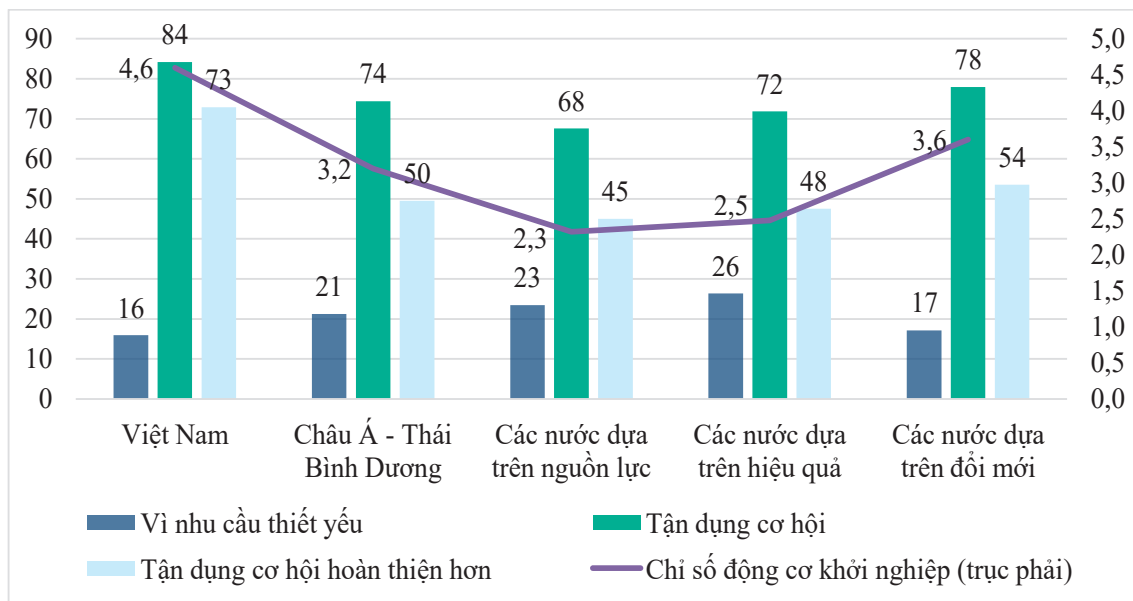
Nguồn: Khảo sát người trưởng thành ở Việt Nam năm 2017

### 3.2 Động cơ khởi sự kinh doanh năm 2017

Nghiên cứu GEM phân ra hai nhóm động cơ thúc đẩy các cá nhân khởi sự kinh doanh. Nhóm thứ nhất là nhóm khởi sự vì *nhu cầu thiết yếu của cuộc sống*, là những người khởi sự kinh doanh vì họ không có sự lựa chọn công việc nào tốt hơn. Nhóm thứ hai là nhóm khởi sự để *tận dụng cơ hội kinh doanh*. Theo cách thức phân loại này, tỷ lệ người khởi sự để tận dụng cơ hội khá phổ biến ở các nước trên thế giới, nhất là ở các nước phát triển dựa trên sự đổi mới. Để hiểu rõ hơn về động cơ tận dụng cơ hội kinh doanh, nghiên cứu GEM đã tìm hiểu thêm xem các cá nhân khởi nghiệp tận dụng có hội để hoàn thiện mình, để trở nên độc lập hơn, để cải thiện thu nhập hay chỉ là để duy trì thu nhập. Nếu động cơ khởi nghiệp vì 3 lý do đầu tiên chứ không phải chỉ để duy trì thu nhập thì được gọi là *tận dụng cơ hội để hoàn thiện hơn (Improvement – driven opportunity - IDO)*. Từ đó, GEM đưa ra chỉ số động cơ khởi nghiệp (Motivation Index) được tính dựa trên tỷ lệ người khởi nghiệp vì động cơ tận dụng cơ hội để hoàn thiện hơn so với người khởi nghiệp vì nhu cầu thiết yếu.

Năm 2017, Ở Việt Nam, tỷ lệ người khởi sự để tận dụng cơ hội cũng chiếm đa số, 84,1% (xếp thứ 6/54) và chỉ có 15,9% người khởi sự kinh doanh vì không có sự lựa chọn công việc nào tốt hơn (xếp thứ 40/54). Tỷ lệ người Việt Nam khởi sự kinh doanh để tận dụng cơ hội hoàn thiện

mình cao đạt 72,9%, xếp thứ 2/60, cao hơn so với mức trung bình của các nước cùng trình độ phát triển với Việt Nam (45%). Tuy nhiên, nếu xem xét chi tiết hơn mục đích của việc tận dụng cơ hội thì người Việt Nam khởi sự chủ yếu là để tăng thu nhập, chiếm đến 49,4%, còn để độc lập hơn chỉ là 23,5% và vẫn còn 6,6% là để duy trì thu nhập. Trong khi đó, tỷ lệ người khởi sự để tăng thu nhập ở các nước thuộc giai đoạn I là 31,2%, thuộc giai đoạn II là 26,9%, thuộc giai đoạn III là 29,2%. Điều này cho thấy người Việt Nam tham gia vào kinh doanh vẫn bị chi phối nhiều bởi động cơ thu nhập. **Chỉ số Động cơ khởi nghiệp của Việt Nam chỉ đạt 4,6 điểm, xếp thứ 9 trên tổng số 54 nước tham dự**, thấp hơn so với các nước trong khu vực ASEAN như Thái Lan (7,9 điểm, xếp 3/54) hay Malaysia (9,2 điểm, xếp thứ 2/54) và chỉ cao hơn Indonesia (1,7 điểm, xếp thứ 36/54).



Hình 9: Động cơ khởi sự kinh doanh ở Việt Nam năm 2017

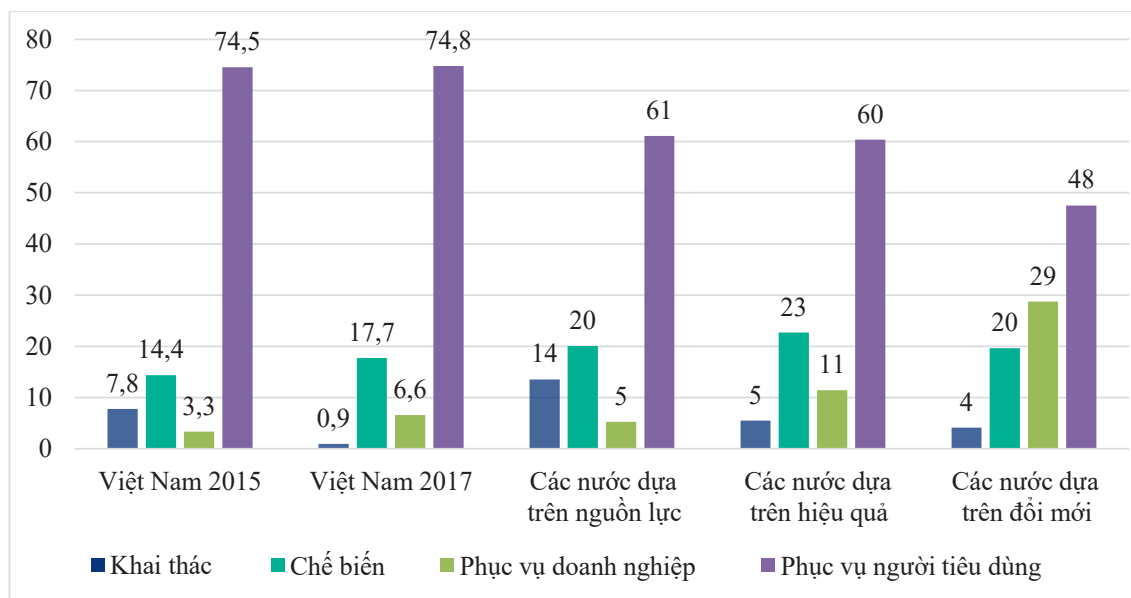
Đơn vị: %

Nguồn: Khảo sát người trưởng thành trên toàn cầu năm 2017

### 3.3 Lĩnh vực hoạt động kinh doanh năm 2017

Nghiên cứu GEM phân nhóm ngành các hoạt động kinh doanh thành 4 loại: khai thác, chế tạo, phục vụ doanh nghiệp và phục vụ người tiêu dùng. Theo cách phân loại này, đa số các hoạt động kinh doanh, dù là ở giai đoạn khởi nghiệp hay đã ổn định, đều chủ yếu là hướng tới phục vụ người tiêu dùng. Tuy nhiên có thể thấy rõ sự khác biệt về lĩnh vực khởi nghiệp giữa các giai đoạn phát triển kinh tế. Tỷ lệ khởi sự kinh doanh trong lĩnh vực khai thác cao nhất ở các nền kinh tế phát triển dựa trên nguồn lực (14%). Các nền kinh tế phát triển dựa trên hiện quả có tỷ lệ khởi sự kinh doanh trong lĩnh vực chế biến cao nhất (23%). Ở các nước phát triển dựa trên đổi mới, tỷ lệ các hoạt động phục vụ doanh nghiệp cao nhất, trung bình chiếm 29%, thậm chí còn cao hơn tỷ lệ các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chế biến (20%). Kết quả này cho thấy rõ, để một nền kinh tế phát triển chuyển sang giai đoạn cao hơn, cần có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chế biến và phục vụ doanh nghiệp, giảm tỷ trọng các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực khai thác và phục vụ người tiêu dùng.

Ở Việt Nam, tỷ lệ các hoạt động khởi nghiệp kinh doanh hướng tới phục vụ người tiêu dùng vẫn chiếm tỷ lệ cao giống như năm 2017, đạt 74,8%, cao hơn nhiều so với mức trung bình của các nước thuộc giai đoạn I hoặc giai đoạn II. Tuy nhiên, tỷ lệ khởi sự kinh doanh trong các lĩnh vực khác đã có sự chuyển biến theo hướng tích cực, khi mà tỷ lệ khởi sự kinh doanh trong lĩnh vực chế biến đã tăng từ 14,4% lên 17,7%, còn tỷ lệ khởi sự trong lĩnh vực phục vụ doanh nghiệp cũng đã tăng từ 3,3% lên 6,6%. Điều này cho thấy cơ cấu các lĩnh vực khởi sự kinh doanh ở Việt Nam đang dần chuyển biến theo giống các nền kinh tế trong giai đoạn II.



Hình 10: Phân bổ các hoạt động khởi nghiệp kinh doanh theo lĩnh vực hoạt động

Đơn vị : %

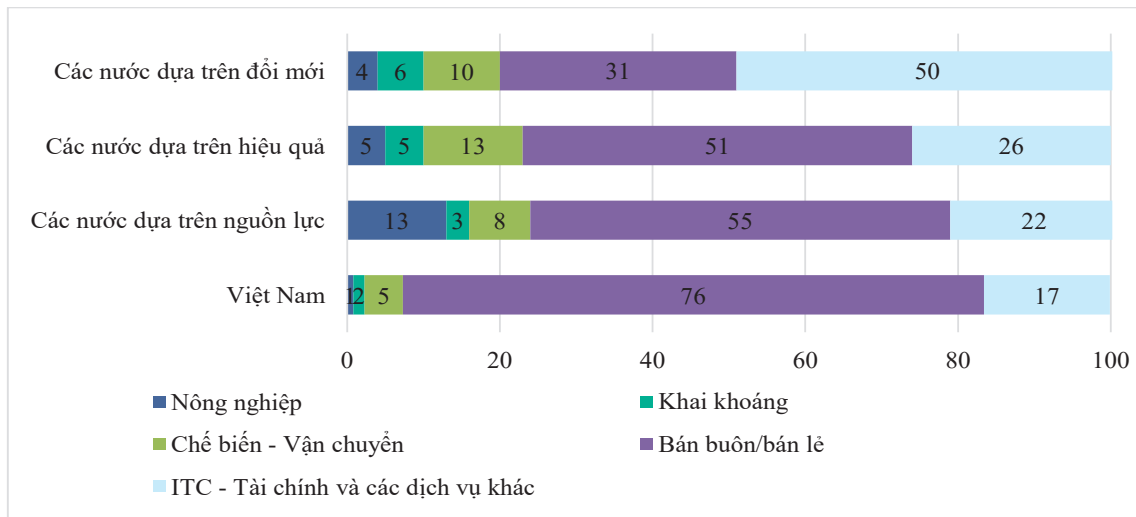
Nguồn: Khảo sát người trưởng thành trên toàn cầu năm 2017

Để hiểu rõ hơn về các lĩnh vực khởi nghiệp trên thế giới, nghiên cứu GEM đã phân bổ các hoạt động khởi nghiệp theo các ngành kinh tế. Hình 11 cho thấy rõ sự khác biệt về lĩnh vực khởi sự kinh doanh ở các ngành thương mại và dịch vụ theo trình độ phát triển. Tỷ lệ các hoạt động khởi sự kinh doanh trong các ngành dịch vụ liên quan đến Công nghệ thông tin truyền thông (ITC), tài chính và các dịch vụ khác đạt mức cao nhất ở các nền kinh tế phát triển dựa trên đổi mới (thập chí còn cao hơn cả tỷ lệ các hoạt động khởi sự trong lĩnh vực thương mại) sau đó đến các nền kinh tế phát triển dựa trên hiệu quả và cuối cùng là các nền kinh tế dựa trên nguồn lực. Ngược lại, tỷ lệ các hoạt động khởi sự kinh doanh trong ngành thương mại lại cao nhất ở các nước phát triển dựa trên nguồn lực, rồi giảm dần khi nền kinh tế càng phát triển.

Việt Nam thuộc nhóm các nền kinh tế phát triển dựa trên nguồn lực, vì thế tỷ trọng các hoạt động khởi sự kinh doanh trong ngành thương mại chiếm tỷ trọng cao nhất, đạt 76%. Tỷ lệ khởi sự kinh doanh trong các ngành dịch vụ (bao gồm công nghệ thông tin truyền thông, tài chính, dịch vụ phát triển kinh doanh, dịch vụ hành chính, dịch vụ chăm sóc sức khỏe, giáo dục, dịch vụ cá nhân...) đã tăng từ mức 9,6% năm 2015 lên 17% năm 2017, tuy vậy vẫn thấp hơn so với mức trung bình 22% của các nước thuộc nhóm I và còn cách rất xa so với các nước



thuộc nhóm II (26%) và nhóm III (50%). Chính vì vậy, Việt Nam vẫn cần tiếp tục khuyến khích khởi sự kinh doanh trong những ngành dịch vụ, nhất là dịch vụ phát triển doanh nghiệp, công nghệ thông tin truyền thông, dịch vụ tài chính trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 để có thể chuyển dịch sang giai đoạn phát triển cao hơn.



Hình 11: Phân bố các hoạt động khởi nghiệp kinh doanh theo ngành nghề ở Việt Nam năm 2017

Đơn vị: %

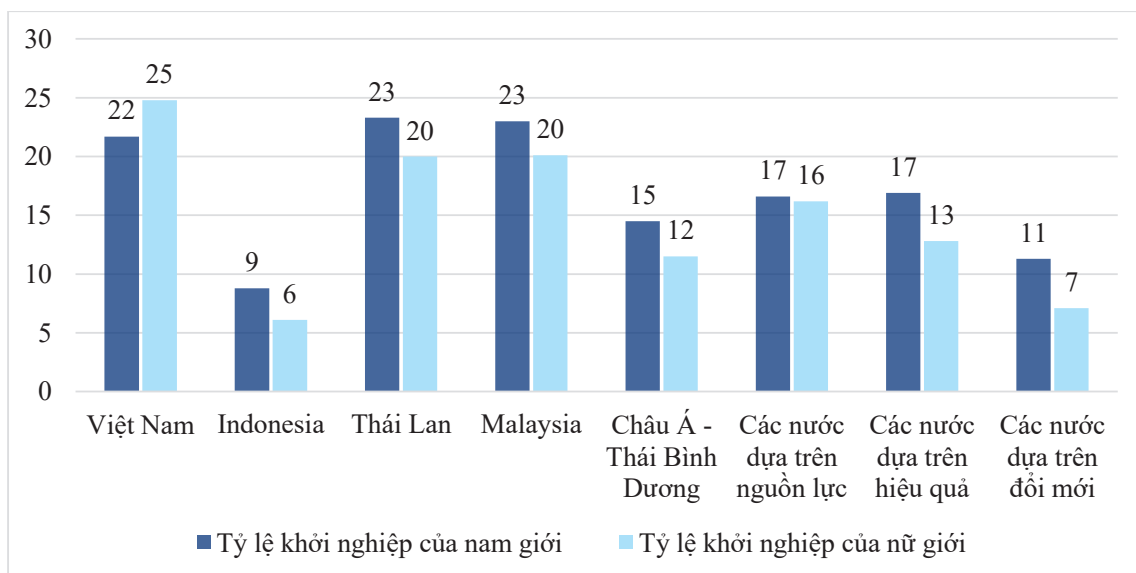
Nguồn: Khảo sát người trưởng thành trên toàn cầu năm 2017

### 3.4 Khởi nghiệp kinh doanh của phụ nữ năm 2017

Nghiên cứu GEM đưa ra Chỉ số khởi nghiệp về bình đẳng giới, được tính bằng tỷ lệ nữ giới khởi nghiệp trên tỷ lệ nam giới khởi nghiệp. Theo cách tính này thì chỉ số nữ giới khởi nghiệp của các nước ở giai đoạn I là cao nhất, đạt 0,98, tiếp đến là các nước ở giai đoạn II là 0,76 và cuối cùng là các nước ở giai đoạn III là 0,63. Nhìn chung, tỷ lệ nam giới tham gia vào kinh doanh thường cao hơn so với nữ giới. Mặc dù vậy, ngày càng có nhiều nữ giới tham gia vào kinh doanh hơn khi mà tỷ lệ nữ giới trên tổng số những người tham gia khởi nghiệp năm 2017 đã tăng 6% so với năm 2016. Chỉ có ba nước có tỷ lệ nữ giới tham gia vào kinh doanh bằng hoặc cao hơn nam giới là Ecuador, Việt Nam và Brazil, trong đó Việt Nam là quốc gia có tỷ lệ nữ giới trên tổng số những người đang khởi sự kinh doanh cao nhất trong số 54 quốc gia được khảo sát năm 2017. Tuy nhiên, xét về động cơ khởi nghiệp thì tỷ lệ nữ giới khởi sự kinh doanh vì nhu cầu thiết yếu cao hơn so với nam giới.

Giống như năm 2015, Việt Nam tiếp tục đứng đầu về tỷ lệ nữ giới/nam giới tham gia vào kinh doanh trong năm 2017. Chỉ số khởi nghiệp về giới tính của Việt Nam năm 2017 là 1,14 lần. Điều này cho thấy nữ giới ở Việt Nam rất tích cực tham gia vào các hoạt động kinh doanh.

Tuy nhiên, xét về động cơ thì tỷ lệ nữ giới khởi nghiệp để tận dụng cơ hội ở Việt Nam ở mức thấp hơn so với nam giới, 82% so với 87%. Trái lại, tỷ lệ nữ giới khởi nghiệp vì nhu cầu thiết yếu ở Việt Nam lại cao hơn so với nam giới, 18% so với 13%. Nếu so sánh về tỷ lệ khởi nghiệp để tận dụng cơ hội giữa nữ giới và nam giới thì Việt Nam đạt 0,94 lần, đứng thứ 27/54. Điều này

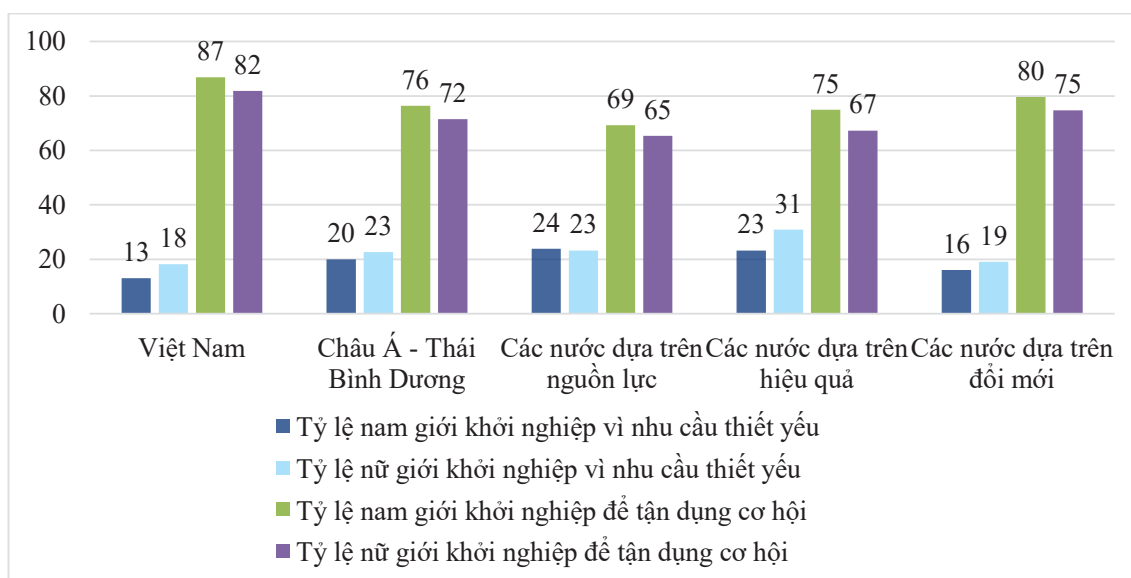


Hình 12: Tỷ lệ khởi nghiệp kinh doanh theo giới tính ở Việt Nam năm 2017

Đơn vị: %

Nguồn: Khảo sát người trưởng thành trên toàn cầu năm 2017

cho thấy phụ nữ ở Việt Nam tham gia vào kinh doanh do yêu cầu của cuộc sống hơn là sự chủ động để tận dụng cơ hội so với nam giới và điều này sẽ ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả kinh doanh của họ. Đa số các hoạt động kinh doanh của phụ nữ có quy mô nhỏ và siêu nhỏ, chủ yếu trong lĩnh vực thương mại và phạm vi kinh doanh hẹp. Trong khu vực doanh nghiệp, tỷ lệ nữ giới làm chủ doanh nghiệp thấp hơn nhiều so với nam giới. Theo số liệu điều tra doanh nghiệp năm 2016 của Tổng cục Thống kê, tỷ lệ nữ giới/nam giới là chủ doanh nghiệp năm 2016 chỉ đạt gần 37/100, nghĩa là số lượng chủ doanh nghiệp là nữ giới chỉ bằng khoảng 1/3 so với nam giới.



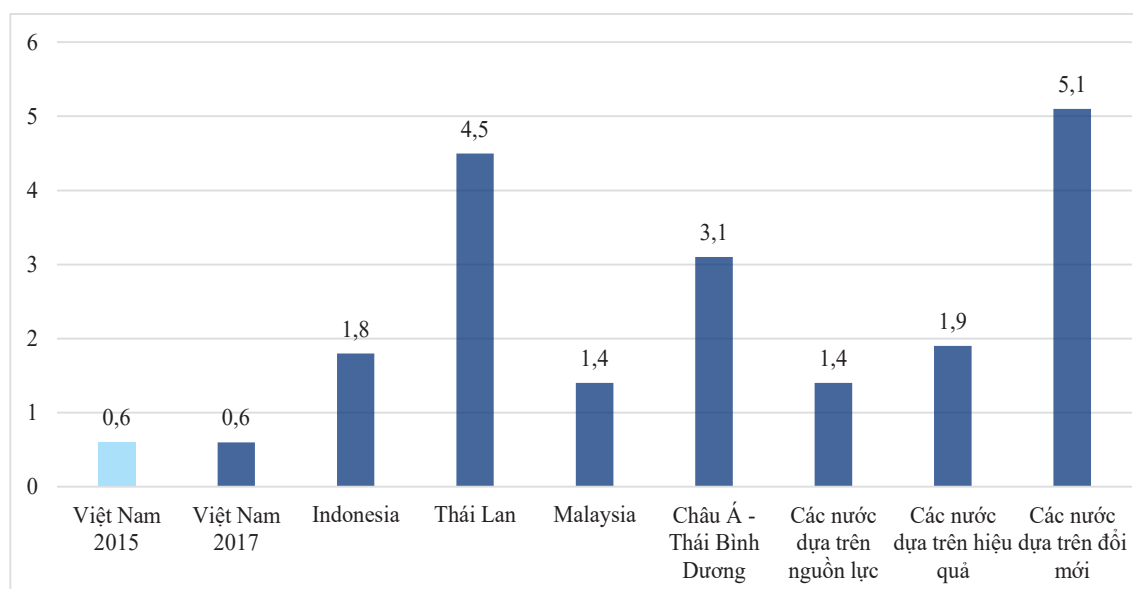
Hình 13: Động cơ khởi nghiệp kinh doanh theo giới tính ở Việt Nam năm 2017

Đơn vị: %

Nguồn: Khảo sát người trưởng thành trên toàn cầu năm 2017

### 3.5 Khởi nghiệp trong doanh nghiệp năm 2017

Để đánh giá hoạt động khởi nghiệp trong doanh nghiệp, GEM dựa vào tỷ lệ các nhân viên làm thuê trong các tổ chức kinh doanh tham gia vào các hoạt động khởi nghiệp cho người chủ của mình (Entrepreneurial Employee Activity – EEA). Theo nghiên cứu GEM, các hoạt động khởi nghiệp trong doanh nghiệp là những hoạt động mới khác với các hoạt động thường ngày của doanh nghiệp như việc thành lập công ty con, mở rộng sang một lĩnh vực kinh doanh mới, phát triển một sản phẩm mới... Theo báo cáo GEM 2017/18, tỷ lệ khởi nghiệp trong doanh nghiệp cao nhất ở các nước thuộc nhóm III – phát triển dựa trên sự đổi mới, với khoảng 5,1% và giảm dần theo trình độ phát triển: 1,9% đối với các nước nhóm II và 1,4% đối với các nước nhóm I. Điều này cho thấy sự khác biệt giữa hoạt động khởi nghiệp của các cá nhân và hoạt động khởi nghiệp trong các doanh nghiệp. Nếu hoạt động khởi nghiệp của các cá nhân giảm dần theo trình độ kinh phát triển kinh tế thì hoạt động khởi nghiệp lại tỷ lệ thuận với yếu tố này. Như vậy có thể coi việc khởi nghiệp trong doanh nghiệp như là sự đánh đổi cho việc khởi nghiệp của các cá nhân.



Hình 14: Tỷ lệ khởi nghiệp trong doanh nghiệp ở Việt Nam năm 2017

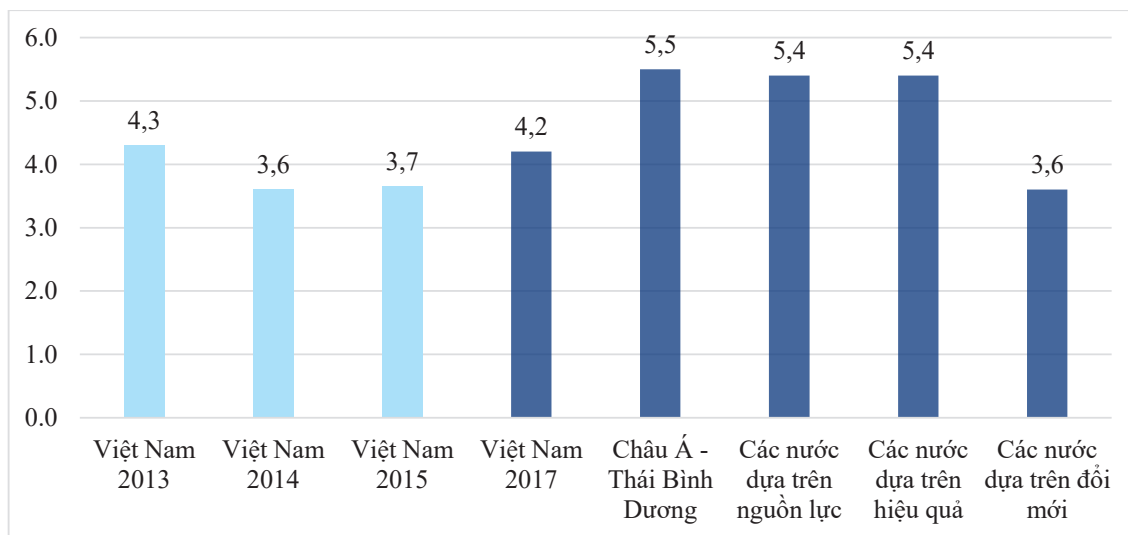
Đơn vị : %

Nguồn: Khảo sát người trưởng thành trên toàn cầu năm 2017

**Ở Việt Nam, tỷ lệ khởi nghiệp trong doanh nghiệp năm 2017 đạt 0,6% bằng với mức năm 2015 và xếp thứ 45/54 nền kinh tế** (năm 2015 là 51/60), thấp hơn mức trung bình 1,4% của các nước cùng trình độ phát triển với Việt Nam, các nước ở giai đoạn I. So với các nước trong khu vực ASEAN như Thái Lan, Malaysia hay Indonesia, tỷ lệ khởi nghiệp trong doanh nghiệp ở Việt Nam cũng kém rất xa. Như vậy có thể thấy thực trạng khởi nghiệp trong doanh nghiệp ở Việt Nam vẫn ở mức rất thấp và chưa có dấu hiệu cải thiện.

### 3.6 Từ bỏ kinh doanh năm 2017

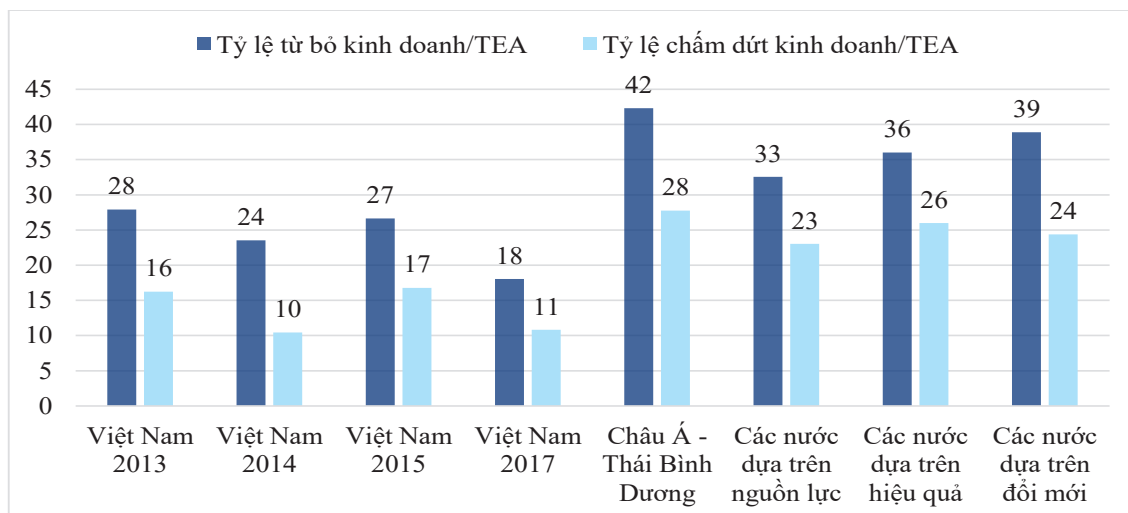
Tỷ lệ người từ bỏ kinh doanh ở Việt Nam năm 2017 là 4,2%, xếp thứ 26/54 nền kinh tế, cao hơn mức 3,7% của năm 2015 nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình của các nước trong giai đoạn I (5,4%) hay các nước trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương (5,5%). Trong số 4,2% các hoạt động kinh doanh bị từ bỏ năm 2017, có 2,5% phải chấp dứt hoạt động và 1,7% được chuyển giao cho người khác. Có thể thấy tỷ lệ từ bỏ kinh doanh ở Việt Nam vẫn ở mức độ thấp, cho thấy sự nỗ lực duy trì các hoạt động kinh doanh của người Việt trong thời gian qua.



Hình 15: Tỷ lệ từ bỏ kinh doanh ở Việt Nam năm 2017

Đơn vị: %

Nguồn: Khảo sát người trưởng thành trên toàn cầu năm 2017



Hình 16: So sánh giữa tỷ lệ từ bỏ kinh doanh và tỷ lệ khởi sự kinh doanh năm 2017

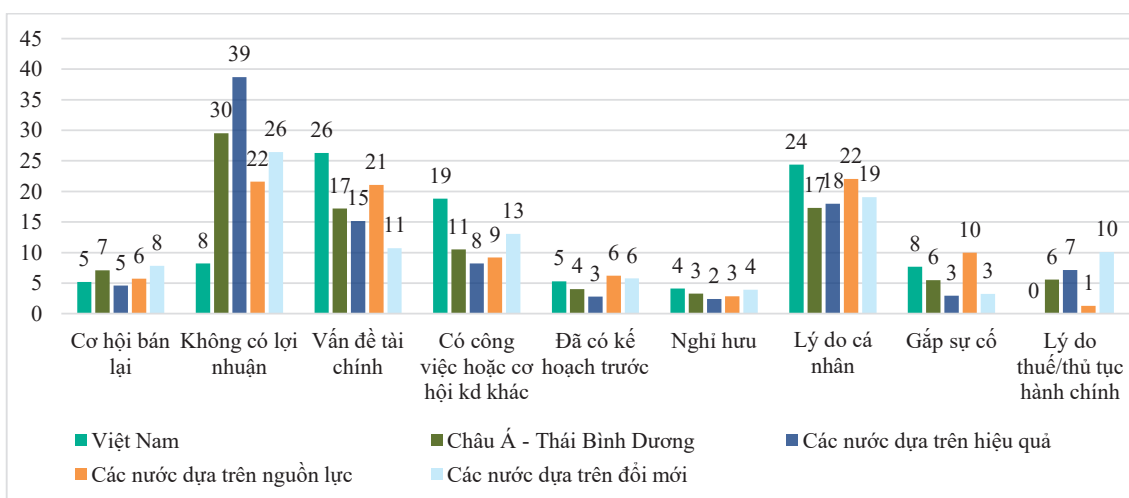
Đơn vị: %

Nguồn: Khảo sát người trưởng thành trên toàn cầu năm 2017

Để đánh giá chính xác hơn thực trạng từ bỏ kinh doanh, nghiên cứu GEM đã so sánh tỷ lệ từ bỏ kinh doanh với tỷ lệ khởi nghiệp. Theo cách đánh giá này, so với tỷ lệ các hoạt động kinh

doanh ở giai đoạn khởi nghiệp, tỷ lệ từ bỏ kinh doanh ở Việt Nam đã giảm đi, từ mức 27% năm 2015 xuống chỉ còn 18% năm 2017. Điều này có nghĩa là cứ có 100 người tham gia vào khởi nghiệp thì có 18 người sẽ khác sẽ từ bỏ kinh doanh. Tương tự, cứ 100 hoạt động kinh doanh mới được khởi sự thì 11 hoạt động kinh doanh khác chấm dứt. Kết quả này cho thấy những tín hiệu tích cực cho việc khuyến khích thúc đẩy khởi nghiệp ở Việt Nam, nhất là về tỷ lệ các hoạt động khởi sự thành công, góp phần thực hiện mục tiêu 1 triệu doanh nghiệp hoạt động năm 2020.

Khi xem xét về lý do từ bỏ kinh doanh năm 2017, lý do chính được người Việt Nam nêu ra vẫn giống như các năm trước, đó là gặp vấn đề về tài chính (26,3%). Cũng giống nhiều nước trên thế giới, lý do quan trọng thứ hai khiến người Việt từ bỏ kinh doanh là lý do cá nhân (24,4%). Điều này cho thấy hoạt động kinh doanh, nhất là các hoạt động kinh doanh nhỏ và siêu nhỏ, vẫn bị chi phối rất nhiều từ các yếu tố thuộc về cá nhân (gia đình, sức khỏe,...) ngoài là những yếu tố thuộc về hoạt động kinh doanh hay môi trường kinh doanh. Lý do thứ 3 khiến người Việt từ bỏ kinh doanh là do có được một cơ hội việc làm hay một cơ hội kinh doanh khác (18,8%). Điều này cho thấy nhiều người khởi sự kinh doanh với tính tạm thời trong thời gian tìm việc hay tìm một cơ hội kinh doanh khác. So với các năm trước, kinh doanh không có lợi nhuận chỉ là yếu tố thứ 4 khiến người Việt phải từ bỏ kinh doanh (chiếm 8,2%), trong khi đây thường là lý do chính dẫn đến từ bỏ kinh doanh trên thế giới (21,6% ở các nước thuộc giai đoạn I, 38,7% ở các nước thuộc giai đoạn II và 26,4% ở các nước thuộc giai đoạn III). Việc người Việt chỉ coi việc không có lợi nhuận là lý do đứng thứ 4 dẫn đến việc từ bỏ kinh doanh không hẳn vì hoạt động kinh doanh của người Việt ít thua lỗ hơn. Theo Báo cáo thường niên doanh nghiệp Việt Nam 2017/18, tỷ lệ doanh nghiệp Việt Nam kinh doanh thua lỗ đã có xu hướng tăng lên trong giai đoạn 2013-2016, lên mức gần 50% năm 2016, thậm chí lên đến 55,8% đối với các doanh nghiệp quy mô siêu nhỏ. Có thể trong giai đoạn khởi nghiệp, đa số các hoạt động kinh doanh đều chưa để cao mục tiêu lợi nhuận mà chủ yếu là duy trì hoạt động kinh doanh để có thu nhập, do vậy họ mới xếp lý do này ở vị trí thứ 4. Đáng chú ý, tỷ lệ người từ bỏ kinh doanh vì có cơ hội bán lại tiếp tục có xu hướng tăng lên, từ 4,2% năm 2015 lên 5,2% năm 2017. Điều này cho thấy những tín hiệu tích cực về thị trường khởi nghiệp ở Việt Nam, nhất là với sự tham gia của các quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ khởi nghiệp trong nước và nước ngoài trong thời gian gần đây.



Hình 17: Các lý do khiến từ bỏ kinh doanh ở Việt Nam năm 2017

Đơn vị: %

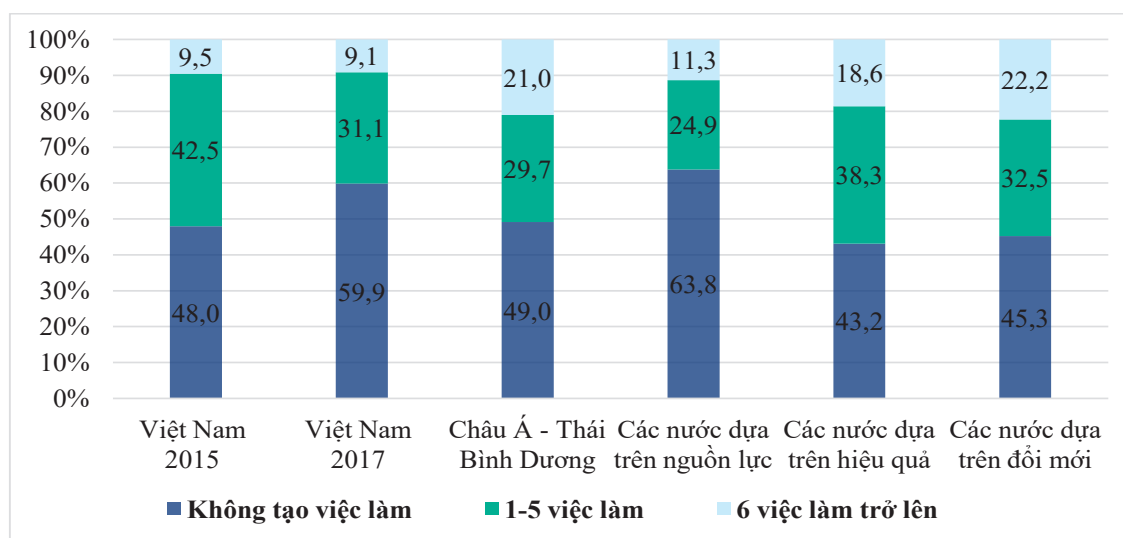
Nguồn: Khảo sát người trưởng thành trên toàn cầu năm 2017

## IV TRIỂN VỌNG KINH DOANH Ở VIỆT NAM NĂM 2017

Để đánh giá ảnh hưởng của các hoạt động kinh doanh đến sự phát triển kinh tế ở các nước, nghiên cứu GEM đã dựa vào 3 chỉ tiêu: tăng trưởng kỳ vọng về việc làm, định hướng đổi mới và định hướng quốc tế.

### 4.1 Triển vọng tăng trưởng về việc làm năm 2017

Cũng như thực trạng chung của nền kinh tế ở Việt Nam, các hoạt động kinh doanh mới khởi nghiệp chủ yếu là có quy mô siêu nhỏ, mang tính chất hộ kinh doanh cá thể. Khi xét về triển vọng tạo việc làm trong vòng 5 năm tới, có đến 59,9% hoạt động dự kiến không tạo thêm việc làm, 31,1% hoạt động chỉ tạo từ 1-5 việc làm và chỉ có 9,1% hoạt động tạo ra từ 6 việc làm trở lên. Tỷ lệ các hoạt động kinh doanh khởi nghiệp dự kiến tạo thêm việc làm đều thấp hơn so với năm 2015, cho thấy triển vọng tăng trưởng về việc làm đang giảm đi. Xu hướng này thể hiện rõ nhất trong khu vực doanh nghiệp, khi mà quy mô lao động bình quân của khu vực doanh nghiệp ngày càng giảm, từ 49 lao động/doanh nghiệp năm 2007 xuống chỉ còn 28 lao động/doanh nghiệp năm 2016.

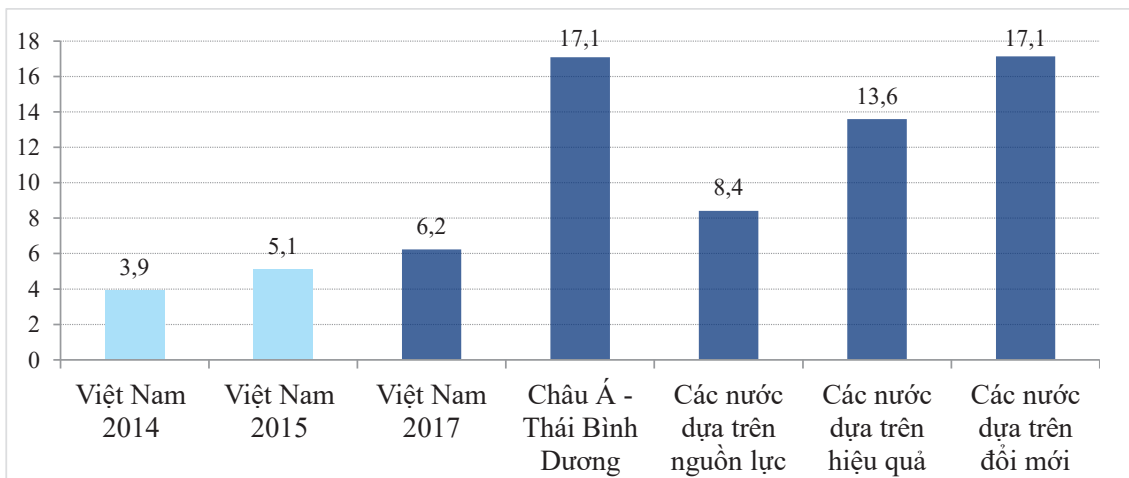


Hình 18: Triển vọng tạo việc làm từ các hoạt động khởi nghiệp kinh doanh ở Việt Nam trong 5 năm tới

Đơn vị: %

Nguồn: Khảo sát người trưởng thành ở Việt Nam 2017

Để có thể so sánh tăng trưởng việc làm ở các quốc gia, GEM đưa ra chỉ số Triển vọng tăng trưởng về việc làm. Chỉ số này chọn ra các hoạt động kinh doanh dự kiến sẽ tạo ra ít nhất 10 việc làm mới và tốc độ tăng trưởng việc làm ít nhất 50% trong 5 năm. Dựa theo tiêu chí này, càng thấy rõ triển vọng tăng trưởng việc làm đối với các hoạt động mới khởi nghiệp ở Việt Nam là thấp so với mức trung bình của các nền kinh tế cùng trình độ phát triển, dù có xu hướng cải thiện so với các năm 2014-2015. Chỉ số triển vọng tăng trưởng việc làm đối với các hoạt động mới khởi sự ở Việt Nam chỉ đạt 6,2%, xếp thứ 43/54 nền kinh tế trong năm 2017. Kết quả này càng cho thấy quy mô nhỏ và khả năng tạo nhiều việc làm từ các hoạt động khởi sự ở Việt Nam còn rất hạn chế.



Hình 19: Triển vọng tăng trưởng việc làm ở Việt Nam và các nước trên thế giới

Đơn vị : %

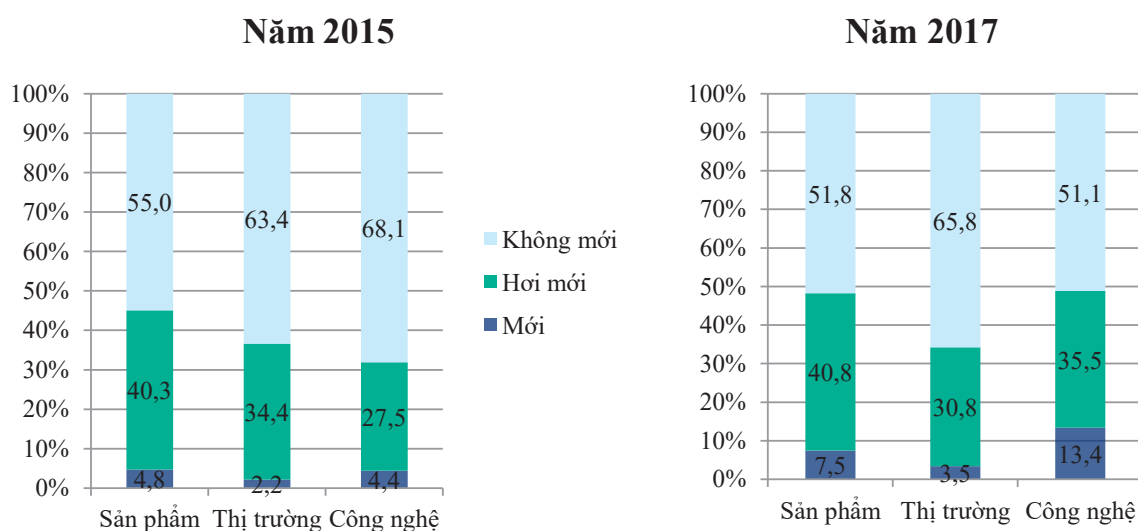
Nguồn: Khảo sát người trưởng thành trên toàn cầu năm 2017

## 4.2 Định hướng đổi mới sáng tạo năm 2017

Việc đánh giá định hướng đổi mới của các hoạt động kinh doanh, nghiên cứu GEM dựa vào ba chỉ tiêu:

- ▶ **Mức độ đổi mới đối với sản phẩm:** Đánh giá mức độ mới của sản phẩm/dịch vụ đối với khách hàng tiềm năng. Sản phẩm được coi là mới nếu được nhiều khách hàng công nhận.
- ▶ **Mức độ đổi mới đối với thị trường:** Đánh giá mức độ cạnh tranh trên thị trường thông qua số lượng đối thủ cạnh tranh kinh doanh cùng loại sản phẩm/dịch vụ đối với nhóm khách hàng tiềm năng. Một hoạt động kinh doanh mới đối với thị trường nếu hoạt động đó có rất ít hoặc chưa có đối thủ cạnh tranh.
- ▶ **Mức độ đổi mới về công nghệ:** Đánh giá mức độ cập nhật của các công nghệ/quy trình được sử dụng trong sản xuất kinh doanh. Công nghệ/quy trình được coi là mới nếu chỉ xuất hiện dưới 1 năm ở Việt Nam.

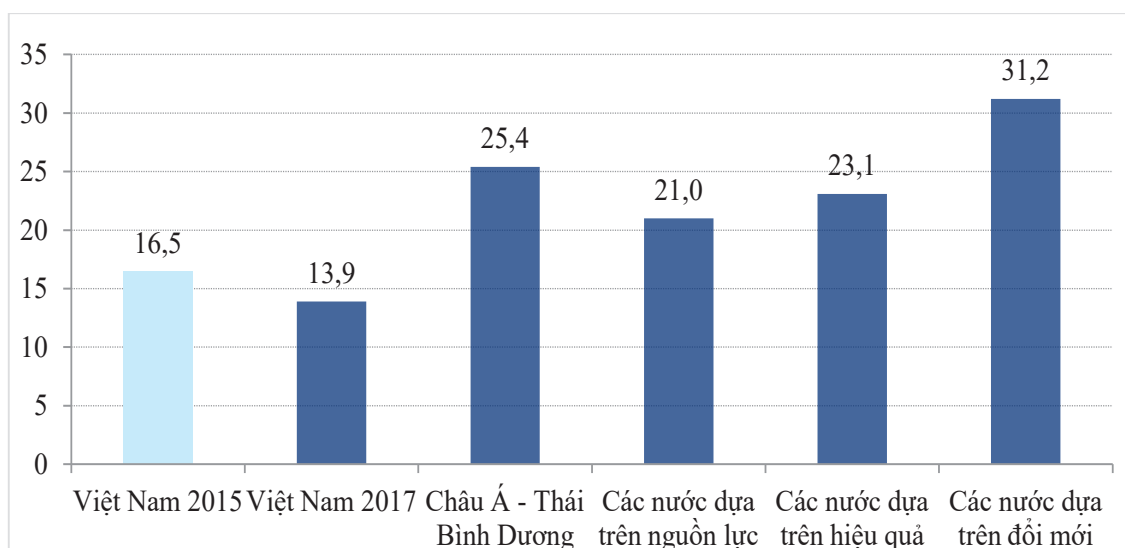
Theo ba chỉ tiêu này, tỷ lệ các hoạt động kinh doanh khởi sự kinh doanh ở Việt Nam năm 2017 mang tính mới còn rất thấp, tuy nhiên đã có sự cải thiện so với năm 2015. Với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, nhất là cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, khía cạnh về công nghệ đã được đổi mới nhiều nhất trong các hoạt động khởi nghiệp. Tỷ lệ các hoạt động khởi nghiệp có tính mới về công nghệ tăng từ 4,4% năm 2015 lên 13,4% năm 2017, chiếm tỷ lệ cao nhất. Tiếp đến là sự đổi mới về sản phẩm, tăng từ 4,8% năm 2015 lên 7,5% năm 2017. Tính mới về thị trường của các hoạt động khởi nghiệp chỉ được cải thiện nhẹ từ mức 2,2% năm 2015 lên 3,5% năm 2017. Rõ ràng, trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay, khi mà việc phát hiện những phân đoạn thị trường không có hoặc có ít đối thủ cạnh tranh là rất khó, do vậy các doanh nghiệp khởi nghiệp rất có tập trung vào yếu tố mới về thị trường, thay vào đó cần tập trung nhiều hơn vào việc ứng dụng các công nghệ mới để phát triển các sản phẩm mới. Đây chính là chìa khóa giúp các hoạt động khởi nghiệp thành công trong bối cảnh hiện nay.



Hình 20: Định hướng đổi mới trong các hoạt động kinh doanh ở giai đoạn khởi nghiệp ở Việt Nam

Nguồn: Khảo sát người trưởng thành ở Việt Nam 2017

Từ các chỉ số về mức độ đổi mới đối với sản phẩm và thị trường, GEM đưa ra chỉ số tổng hợp về sáng tạo. Một hoạt động kinh doanh gọi là sáng tạo nếu các sản phẩm cung cấp được coi là mới đối với tất cả hoặc nhiều khách hàng và có ít hoặc không có đối thủ cạnh tranh. Dựa theo tiêu chí này, chỉ số đổi mới sáng tạo của các hoạt động khởi nghiệp ở Việt Nam năm 2017 đã giảm đi so với năm 2015. Chỉ có 13,9% hoạt động kinh doanh trong giai đoạn khởi nghiệp ở Việt Nam được coi là có tính sáng tạo so với mức 16,5% năm 2015, xếp ở vị trí 48/54 nền kinh tế trong năm 2017, thấp hơn nhiều so với mặt bằng trung của các nước cùng trình độ phát triển. So với



Hình 21: Định hướng sáng tạo trong các hoạt động khởi nghiệp ở Việt Nam so thế giới năm 2017

Đơn vị : %

Nguồn: Khảo sát người trưởng thành trên toàn cầu năm 2017

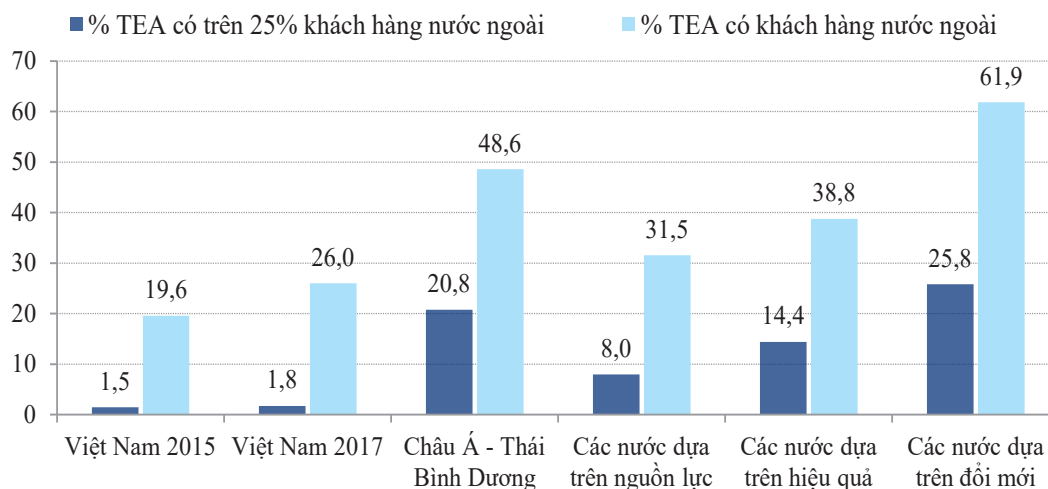


các nước trong khu vực ASEAN, tính sáng tạo của các hoạt động khởi nghiệp ở Việt Nam thấp hơn Malaysia và Thái Lan (cùng đạt 29,3%, xếp hạng 15/54), chỉ cao hơn Indonesia (11,6%, xếp hạng 52/54). Nghiên cứu GEM 2017/18 đã cho thấy tỷ lệ các hoạt động kinh doanh trong giai đoạn khởi nghiệp có tính sáng tạo tăng dần theo trình độ phát triển kinh tế, điều này cho thấy các hoạt động khởi sự của Việt Nam còn cần phải áp dụng các công nghệ mới và phát triển các sản phẩm mới hơn nữa.

### 4.3 Định hướng quốc tế năm 2017

Định hướng quốc tế của các hoạt động khởi nghiệp ở Việt Nam năm 2017 có cải thiện so với năm 2015, tuy nhiên vẫn thấp hơn so với mặt bằng chung của các nước cùng trình độ phát triển cũng như các nước trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương.

Theo kết quả khảo sát GEM tại Việt Nam năm 2017, trong số các hoạt động kinh doanh ở giai đoạn khởi nghiệp, có đến 74% hoạt động chỉ kinh doanh ở thị trường trong nước, 24,2% hoạt động kinh doanh có dưới 1/4 số lượng khách hàng nước ngoài. Số lượng hoạt động kinh doanh có tỷ lệ khách hàng nước ngoài từ 25% trở lên chỉ chiếm 1,8%. Nếu so với bình quân ở các nước phát triển ở giai đoạn I, tỷ lệ các hoạt động kinh doanh ở giai đoạn khởi nghiệp tham gia vào xuất khẩu ở Việt Nam thấp hơn (26% so với 31,5%), nhất là tỷ lệ hoạt động kinh doanh thực sự có định hướng xuất khẩu (tỷ lệ khách hàng nước ngoài chiếm trên 25%) ở Việt Nam lại thấp hơn nhiều (1,8% so với 8%). Ở các nước trong khối ASEAN, Malaysia và Thái Lan thể hiện rõ là một nền kinh tế định hướng xuất khẩu. Tỷ lệ các hoạt động kinh doanh trong giai đoạn khởi nghiệp có tỷ lệ khách hàng quốc tế trên 25% của hai nước này lần lượt đạt 13,84% và 16,65%. Kết quả nghiên cứu GEM toàn cầu 2017/18 cho thấy nền kinh tế càng phát triển thì các hoạt động khởi nghiệp kinh doanh càng có định hướng quốc tế cao. Ở các nước phát triển ở giai đoạn 3, phát triển dựa trên đổi mới, 61,9% các hoạt động kinh doanh mới khởi sự có tham gia vào thị trường quốc tế trong đó hơn ¼ các hoạt động này có số lượng khách hàng quốc tế chiếm trên 25%.



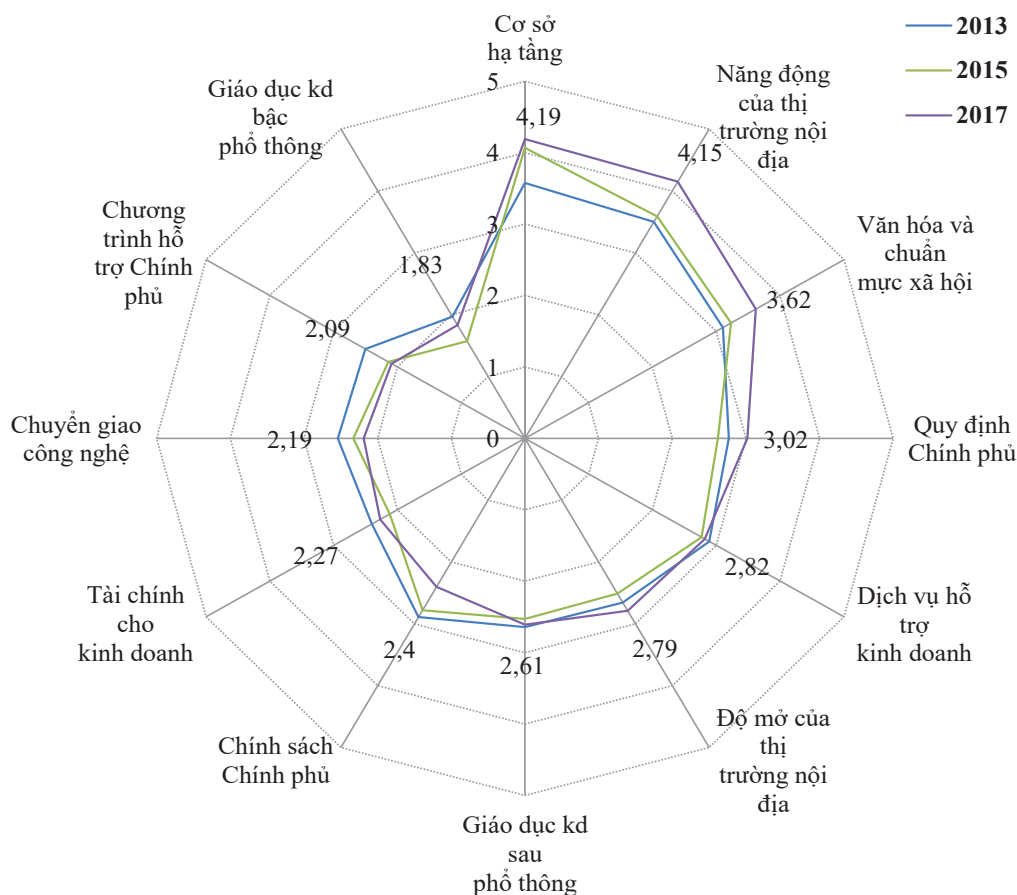
Hình 22: Định hướng xuất khẩu ở Việt Nam so với các nước khác năm 2017

Nguồn: Khảo sát người trưởng thành trên toàn cầu năm 2017

## V HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP Ở VIỆT NAM NĂM 2017

Theo đánh giá của các chuyên gia, hệ sinh thái khởi nghiệp ở Việt Nam năm 2017 tiếp tục có xu hướng cải thiện về điểm số ở những chỉ số đứng đầu, tuy nhiên lại giảm đi ở những chỉ số đứng sau. Thứ tự xếp hạng của các chỉ số cơ bản vẫn được duy trì khi mà cơ sở hạ tầng tiếp tục là yếu tố được đánh giá cao nhất trong hệ sinh thái khởi nghiệp ở Việt Nam, đạt 4,19 điểm (trên thang điểm từ 1 đến 5). Hai yếu tố tiếp theo được các chuyên gia đánh giá cao là sự Năng động của thị trường nội địa (4,15 điểm) và Văn hóa và chuẩn mực xã hội (3,62 điểm). Nếu những năm trước đây thường chỉ có 3 chỉ số này trong số 12 chỉ số là đạt trên mức trung bình (3 điểm), thì năm 2017 đã có thêm chỉ số về các Quy định của chính phủ (3,02). Tám chỉ số còn lại được các chuyên gia đánh giá dưới mức trung bình, trong đó ở ba vị trí cuối cùng lần lượt là: Chuyển giao công nghệ (2,19 điểm), Chương trình hỗ trợ của Chính phủ (2,09 điểm), và đặc biệt là Giáo dục về kinh doanh ở bậc phổ thông (1,83 điểm).

Xét theo giai đoạn 2013-2017, ba chỉ số được xếp hạng đầu của hệ sinh thái khởi nghiệp lại chính là những chỉ số luôn có xu hướng cải thiện trong giai đoạn 2013-2017. Trong khi đó, những chỉ số được các chuyên gia đánh giá kém lại thường có xu hướng xấu đi trong giai đoạn này, cụ thể như: Chương trình hỗ trợ của Chính phủ, Chuyển giao công nghệ, Chính sách của Chính phủ. Sự suy giảm này không hẳn vì các yếu tố này kém đi qua các năm mà cho thấy kỳ vọng về một sự cải thiện của các chỉ số yếu kém này trong hệ sinh thái khởi nghiệp qua các năm đã không được đáp ứng, chính vì vậy các chuyên gia đã đánh giá các chỉ số này thấp hơn.



Hình 23: Hệ sinh thái khởi nghiệp ở Việt Nam giai đoạn 2013-2017

Đơn vị: Thang điểm 1-5

Nguồn : Khảo sát chuyên gia ở Việt Nam các năm 2013-2017

Khi so sánh hệ sinh thái khởi nghiệp ở Việt Nam với 54 nước khác trên thế giới cũng tham gia vào nghiên cứu GEM trong năm 2017, thứ tự của các điều kiện kinh doanh lại có những khác biệt. Hai chỉ số của Việt Nam có thứ hạng cao nhất là: Năng động của thị trường nội địa (5/54), Văn hóa và chuẩn mực xã hội(6/54). Đây cũng chính là 2 chỉ số của Việt Nam được xếp hạng cao nhất năm 2014-2015. Cơ sở hạ tầng, chỉ số có điểm trung bình cao nhất ở Việt Nam, có thứ hạng cao thứ ba trong số 12 chỉ số của hệ sinh thái khởi nghiệp, xếp thứ 10/54. Hai chỉ số có thứ hạng cao tiếp theo đó là Độ mở của thị trường nội địa (12/54) và Chính sách Chính phủ (13/54). Việc chỉ số chính sách của Chính phủ dù chỉ được đánh giá ở mức 2,4/5 điểm nhưng vẫn xếp thứ 13/54 cho thấy việc có hệ thống chính sách tốt và hiệu quả nhằm thúc đẩy khởi nghiệp và phát triển kinh doanh đây không chỉ là vấn đề của riêng Việt Nam mà là của nhiều nước trên thế giới. Ba chỉ số trong hệ sinh thái khởi nghiệp có thứ hạng thấp nhất của Việt Nam năm 2017 là : Tài chính cho kinh doanh (39/54), Giáo dục kinh doanh sau phổ thông (40/54) và Chương trình hỗ trợ Chính phủ (43/54). Đây cũng chính là các chỉ số có thứ hạng thấp nhất của Việt Nam năm 2015.

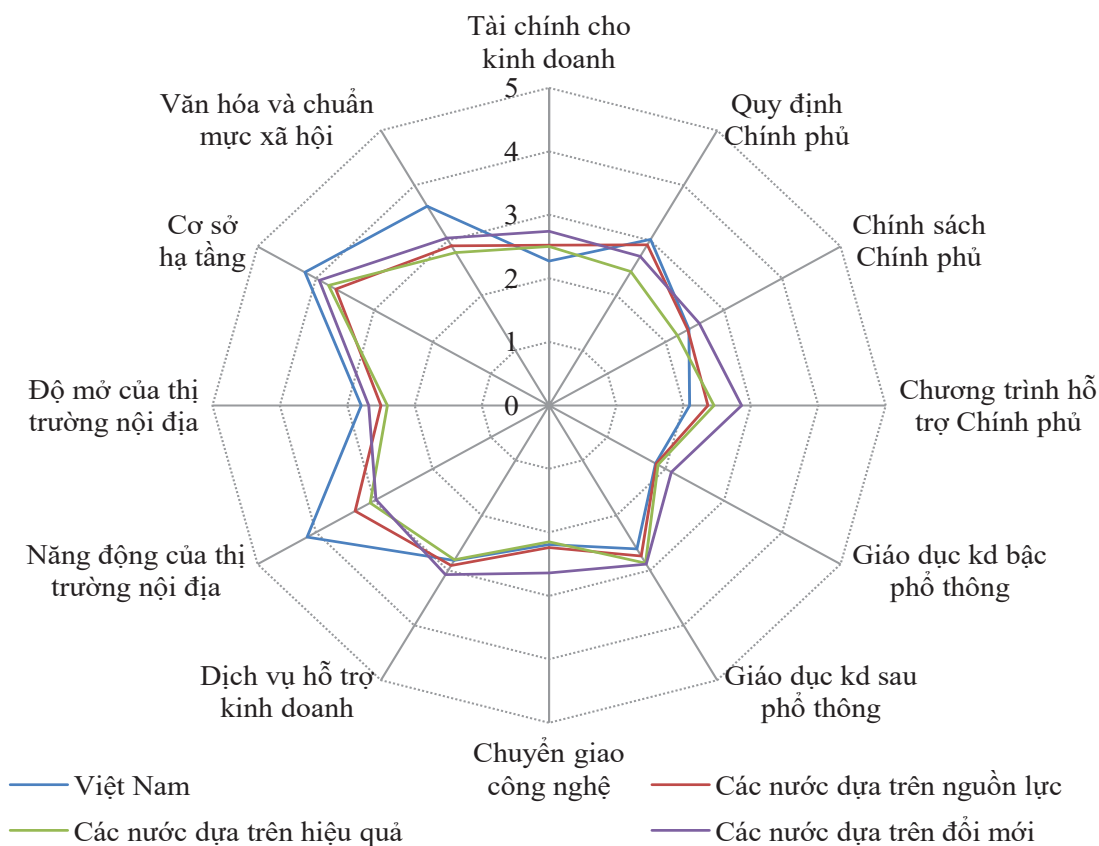
Điều kiện kinh doanh	2017		2015		2014		2013	
	Điểm	Thứ hạng/54	Điểm	Thứ hạng/62	Điểm	Thứ hạng/73	Điểm	Thứ hạng/69
Năng động của thị trường nội địa	4,15	5	3,59	11	3,71	6	3,50	15
Văn hóa và chuẩn mực xã hội	3,62	6	3,23	14	3,13	17	3,10	20
Cơ sở hạ tầng	4,19	10	4,07	17	3,75	39	3,58	43
Độ mở của thị trường nội địa	2,79	12	2,51	28	2,43	52	2,66	32
Chính sách Chính phủ	2,4	13	2,78	15	2,93	20	2,89	20
Quy định Chính phủ	3,02	25	2,62	25	2,46	32	2,77	13
Chuyển giao công nghệ	2,19	34	2,33	30	2,30	40	2,54	20
Giáo dục kd bậc phổ thông	1,83	34	1,57	47	1,83	51	1,97	46
Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh	2,82	36	2,93	42	2,93	41	2,89	45
Tài chính cho kinh doanh	2,27	39	2,12	50	2,37	44	2,40	42
Giáo dục kd sau phổ thông	2,61	40	2,53	47	2,64	58	2,64	50
Chương trình hỗ trợ Chính phủ	2,09	43	2,14	50	2,35	54	2,50	38

Bảng 2: Thứ hạng các chỉ số trong hệ sinh thái khởi nghiệp ở Việt Nam 2013-2017

Nguồn: Khảo sát chuyên gia trên toàn cầu các năm 2013-2017

So với năm 2015, một số chỉ số trong hệ sinh thái khởi nghiệp ở Việt Nam năm 2017 đã có sự cải thiện, không chỉ về điểm số mà cả thứ hạng, cụ thể như: Năng động của thị trường nội địa tăng từ 3,59 điểm, xếp thứ 11/62 lên 4,15 điểm, xếp thứ 5/54; Văn hóa và chuẩn mực xã hội, từ 3,23 điểm, xếp thứ 14/62 lên 3,62 điểm, xếp thứ 6/54; Cơ sở hạ tầng tăng từ 4,07 điểm, xếp thứ 17/62 lên 4,19 điểm, xếp thứ 10/54; Độ mở của thị trường nội địa, từ 2,51 điểm, xếp thứ 28/62 lên 2,79 điểm, xếp thứ 12/54. Trái lại, có bốn chỉ số có điểm số giảm so với năm 2015, đó là Chính sách Chính phủ (từ 2,78 xuống 2,4), Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh (từ 2,93 xuống 2,82), Chương trình hỗ trợ Chính phủ (từ 2,14 xuống 2,09) và Chuyển giao công nghệ (từ 2,33 xuống 2,19). Chuyển giao công nghệ là chỉ số duy nhất trong số 12 chỉ số có sự tụt hạng về thứ bậc rõ rệt nhất, từ 30/62 xuống còn 34/54. Điều này cho thấy vấn đề chuyển giao công nghệ ở Việt Nam vẫn chưa góp phần hỗ trợ tích cực cho các hoạt động khởi nghiệp ở Việt Nam như ở các quốc gia khác.

Báo cáo GEM toàn cầu 2017/18 đã tiếp tục chỉ ra sự khác biệt về điều kiện kinh doanh ở 3 nhóm nền kinh tế theo trình độ phát triển. Nhìn chung, điều kiện kinh doanh có xu hướng tốt dần lên cùng với trình độ phát triển kinh tế, nghĩa là nền kinh tế càng phát triển, điều kiện kinh doanh càng có xu hướng được cải thiện. Hình 24 cho thấy rõ những thuận lợi và cản trở về hệ sinh thái khởi nghiệp ở Việt Nam khi so với mức trung bình của các nước theo giai đoạn phát triển. Những thuận lợi và rào cản này tương đồng với thực trạng của năm 2015. Bốn yếu tố có thể coi là thuận lợi hơn cho hoạt động khởi nghiệp ở Việt Nam so với các nước khác chính là bốn chỉ số mà Việt Nam có thứ hạng cao nhất: tính năng động của thị trường nội địa, văn hóa và



Hình 24: Hệ sinh thái khởi nghiệp ở Việt Nam so với các nước trên thế giới năm 2017

Đơn vị: Thang điểm 1-5

Nguồn: Khảo sát người trưởng thành trên toàn cầu năm 2017

chuẩn mực xã hội, cơ sở hạ tầng và độ mở của thị trường nội địa. Những chỉ số này được đánh giá là tốt hơn cả mức trung bình ở các nước thuộc giai đoạn III. Ngược lại, bốn yếu tố có thể coi là kém tạo thuận lợi cho khởi sự kinh doanh ở Việt Nam hơn so với các nước khác chính là bốn yếu tố mà Việt Nam có vị trí thấp nhất là: giáo dục về kinh doanh ở bậc phổ thông, giáo dục về kinh doanh sau phổ thông, tài chính cho kinh doanh và chương trình hỗ trợ của Chính phủ. Những chỉ số này được đánh giá là kém hơn mức trung bình của các nước thuộc giai đoạn I, cùng giai đoạn phát triển với Việt Nam. Kết quả tương tự khi so sánh hệ sinh thái khởi nghiệp ở Việt Nam với trung bình của các nước Châu Á – Thái Bình Dương.

Nếu so sánh với các nước ASEAN, trong số 12 chỉ số của hệ sinh thái khởi nghiệp, có hai chỉ số của Việt Nam được đánh giá tốt hơn 3 nước là Indonesia, Thái Lan và Malaysia, đó là: Cơ sở hạ tầng và Văn hóa và chuẩn mực xã hội. Trong khi đó có tới 6 chỉ số của Việt Nam kém hơn tất cả ba nước ASEAN, đó là: Tài chính cho kinh doanh, Quy định của Chính phủ, Chương trình hỗ trợ Chính phủ, Giáo dục về kinh doanh ở bậc phổ thông, Giáo dục về kinh doanh sau phổ thông, Chuyển giao công nghệ (Xem bảng 3). Đáng chú ý là Indonesia dường như là đang nỗ lực xây dựng một hệ sinh thái tốt cho khởi nghiệp, khi mà đứng đầu tới 10 chỉ số của hệ sinh thái so với các nước ASEAN. Rõ ràng, đây là những vấn đề mà Việt Nam cần phải có những giải pháp cải thiện để thúc đẩy các hoạt động khởi sự và kinh doanh, theo kịp với sự phát triển của các nước ASEAN, nhất là khi cộng đồng kinh tế ASEAN đã được thành lập. Nếu không có những biện pháp cải thiện kịp thời hệ sinh thái khởi nghiệp, sẽ dẫn tới tình trạng các nhà đầu tư và các nhà khởi nghiệp sẽ lựa chọn các quốc gia như Malaysia, Singapore hay thậm chí là Indonesia, nơi có hệ sinh thái khởi nghiệp tốt hơn, để tiến hành các hoạt động khởi nghiệp, thay vì có thể làm ở Việt Nam.

Điều kiện kinh doanh	Việt Nam		Indonesia		Thái Lan		Malaysia	
	Điểm	Thứ hạng	Điểm	Thứ hạng	Điểm	Thứ hạng	Điểm	Thứ hạng
Tài chính cho kinh doanh	2,27	39	3,71	1	3,00	12	3,48	3
Chính sách Chính phủ	3,02	13	3,74	2	2,75	19	2,74	18
Quy định Chính phủ	2,40	25	3,42	4	2,53	23	2,50	21
Chương trình hỗ trợ Chính phủ	2,09	43	3,45	4	2,29	36	2,68	23
Giáo dục về kd ở bậc phổ thông	1,83	34	3,07	2	2,03	21	2,14	17
Giáo dục về kd sau phổ thông	2,61	40	3,73	3	2,67	29	2,74	31
Chuyển giao công nghệ	2,19	34	3,11	3	2,31	31	2,42	25
Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh	2,82	36	3,32	9	2,75	41	2,98	26
Năng động của thị trường nội địa	4,15	5	4,17	4	4,08	6	3,71	8
Độ mở của thị trường nội địa	2,79	12	3,26	3	2,55	30	3,02	7
Cơ sở hạ tầng	4,19	10	3,87	29	3,90	32	4,11	20
Văn hóa và chuẩn mực xã hội	3,62	6	3,56	8	3,16	16	3,10	14

Bảng 3: Hệ sinh thái khởi nghiệp ở Việt Nam và các nước ASEAN năm 2017

Nguồn: Khảo sát chuyên gia trên toàn cầu năm 2017

## VI MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Kết quả phân tích trong các phần trước của báo cáo đã cho thấy, mặc dù thực trạng khởi nghiệp ở Việt Nam năm 2017 có nhiều cải thiện giúp cho tỷ lệ người tham gia khởi sự kinh doanh đã tăng lên, tuy nhiên vẫn còn nhiều chỉ số mà Việt Nam kém xa so với các nước cùng trình độ phát triển kinh tế và các nước trong khu vực, trong đó phải kể đến như: sự lo sợ thất bại trong kinh doanh, khả năng kinh doanh, lĩnh vực kinh doanh và yếu tố đổi mới sáng tạo trong kinh doanh... Trong khi đó, những điểm yếu của hệ sinh thái khởi nghiệp ở Việt Nam như Chương trình hỗ trợ của Chính phủ, Chuyển giao công nghệ, Chính sách của Chính phủ,... vẫn không được cải thiện so với các năm 2013-2015. Để giải quyết những vấn đề này, báo cáo đưa ra các khuyến nghị, đề xuất như sau:

### **Thứ nhất, cần tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh thông qua việc ổn định kinh tế vĩ mô, gỡ bỏ các rào cản, nhằm tạo thêm lòng tin cho người làm kinh doanh, thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp :**

- Nhà nước cần tiếp tục kiên định các chính sách ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, xây dựng lòng tin cho người kinh doanh. Các chính sách phải dễ dự đoán, dễ tiên liệu để người dân dự kiến được kế hoạch kinh doanh của mình. Cần phải giám sát quá trình thực thi chính sách để đảm bảo các cơ quan chức năng triển khai thực hiện đúng với các yêu cầu chính sách đã đề ra.

- Các Bộ ngành tiếp tục gỡ bỏ các rào cản trong kinh doanh, rà soát lại các những quy định về pháp luật có liên quan đến kinh doanh để không cản trở các hoạt động khởi sự kinh doanh, tránh hình sự hóa các hoạt động kinh doanh, kiên quyết loại bỏ các giấy phép con về các điều kiện kinh doanh gây cản trở cho việc kinh doanh. Cần minh bạch hóa các chính sách, tạo điều kiện thuận lợi để người làm kinh doanh có thể tiếp cận các thông tin, sự trợ giúp về kỹ thuật (phi tài chính) cũng như về tài chính.

- Nâng cao hiệu quả thực thi các chính sách, trong đó đặc biệt liên quan đến việc triển khai thực hiện Nghị quyết 19-2018/NQ-CP về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo, Nghị quyết 35/NQ-CP ngày 16/05/2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 và Chỉ thị 26/CT-TTg ngày 06/06/2017 về việc tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 theo tinh thần chính phủ đồng hành cùng doanh nghiệp, để góp phần đạt mục tiêu có một triệu doanh nghiệp hoạt động đến năm 2020.

- Tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các khu vực kinh tế để người dân không có "mặt cảm" sẽ bị phân biệt đối xử trong quá trình tiếp cận các nguồn lực kinh doanh. Triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội nghị Trung ương 5 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Tăng cường công tác phổ biến thông tin thị trường thông qua ứng dụng công nghệ thông tin để giúp người dân nhận biết được nhu cầu của thị trường từ đó nảy sinh các ý tưởng kinh doanh thay vì khởi sự kinh doanh vì để giải quyết nhu cầu của cuộc sống. Nghiên cứu GEM đã cho thấy những người khởi nghiệp để tận dụng cơ hội từ thị trường thường có khả năng thành công cao hơn và có cơ hội phát triển hơn so với những người khởi nghiệp vì nhu cầu thiết yếu

**Thứ hai, xây dựng các chương trình hỗ trợ, khuyến khích phát triển khởi nghiệp có định hướng trong những lĩnh vực ưu tiên, đề cao tính đổi mới sáng tạo và có tính quốc tế cao hơn:**

- Với nguồn lực có hạn, các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp không nên phân bổ dàn trải mà có sự chọn lọc, ưu tiên định hướng khởi nghiệp cho các lĩnh vực mũi nhọn. Theo nghiên cứu GEM, một nền kinh tế phát triển chuyển sang giai đoạn cao hơn, cần có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chế biến và phục vụ doanh nghiệp, nhất là các ngành công nghệ thông tin truyền thông, dịch vụ tài chính, dịch vụ phát triển kinh doanh.

- Các chính sách, chương trình hỗ trợ không nên chỉ tập trung vào việc khởi nghiệp, thành lập doanh nghiệp mà cũng cần khuyến khích các hoạt động khởi nghiệp trong doanh nghiệp: tuyên truyền, hỗ trợ và hướng dẫn các doanh nghiệp trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ; triển khai có hiệu quả các chính sách ưu đãi các doanh nghiệp thực hiện các hoạt động đổi mới sáng tạo.

- Triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ, khuyến khích nghiên cứu và ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ vào sản xuất, đẩy mạnh các dịch vụ hỗ trợ phát triển thị trường để nâng cao khả năng cạnh tranh của từng doanh nghiệp và toàn bộ nền kinh tế.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền và nâng cao năng lực về hội nhập kinh tế quốc tế, đẩy mạnh các dịch vụ hỗ trợ phát triển thị trường để nâng cao khả năng cạnh tranh của từng doanh nghiệp để có thể tham gia được vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

- Yêu cầu công khai minh bạch, nhanh chóng và kịp thời các nội dung cam kết FTA tới người dân, doanh nghiệp (gắn với trách nhiệm cụ thể của các cơ quan liên quan trong việc công khai thông tin này);

- Đặt ra cơ chế phối hợp bắt buộc giữa các cơ quan có chuyên môn về các cam kết hội nhập với các đầu mối cung cấp thông tin, tư vấn cho cá nhân khởi nghiệp, doanh nghiệp để kịp thời hỗ trợ rong những vấn đề đòi hỏi chuyên môn sâu của cán bộ đàm phán, thực thi;

**Thứ ba, cần cải thiện hệ sinh thái khởi nghiệp để thúc đẩy phong trào khởi nghiệp và phát triển kinh doanh ở Việt Nam:**

- Cần tiếp tục đổi mới các chương trình giảng dạy ở bậc phổ thông theo hướng đào tạo kỹ năng sáng tạo, độc lập, và khả năng làm việc nhóm. Đồng thời có thể đưa dần một số kiến thức về kinh doanh giúp học sinh có thể sớm định hướng nghề nghiệp cho tương lai.

- Cần hoàn thiện các chương trình đào tạo doanh nhân ở các trường Đại học - Cao đẳng. Cần có hướng dẫn cho các sinh viên các trường kỹ thuật, trường nghề về kỹ năng khởi sự doanh nghiệp để các sinh viên có thể tự tạo việc làm bằng các kết hợp sử dụng chuyên môn kỹ thuật của mình khởi sự trong ngành, lĩnh vực mà mình có chuyên sâu.

- Cần phổ biến rộng rãi chương trình “Nhận thức về kinh doanh” để các cá nhân có thể tự đánh giá năng lực/điều kiện kinh doanh của mình. Phát triển các khóa đào tạo các kỹ năng khởi sự doanh nghiệp cho người dân, nhất là nhóm thanh niên.

- Bên cạnh việc thành lập và đưa vào hoạt động có hiệu quả các quỹ hỗ trợ khởi nghiệp, quỹ hỗ trợ DNNVV, cần có cơ chế khuyến khích phát triển các mô hình tư nhân về quỹ khởi nghiệp như các quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư thiên thần, quỹ huy động vốn từ cộng đồng,... để đáp ứng yêu cầu về vốn cho các hoạt động khởi nghiệp. Phát triển các dịch vụ tài

chính cũng phải phù hợp với đặc điểm của các hoạt động kinh doanh qua từng giai đoạn phát triển: tiềm năng, khởi nghiệp, phát triển ổn định.

- Đẩy mạnh các hoạt động liên kết giữa các trường đại học, viện, trung tâm nghiên cứu với các doanh nghiệp để ứng dụng và thương mại hóa các kết quả nghiên cứu, nhất là trong lĩnh vực công nghệ thông tin, nông nghiệp công nghệ cao. Tiếp tục phát huy vai trò cầu nối của Bộ Khoa học công nghệ, bên cạnh đó thúc đẩy phát triển các tác trung tâm, sàn kết nối cung cầu về công nghệ, thông qua việc tổ chức các hội thảo, diễn đàn, hội chợ kết nối công nghệ,...

- Tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ kinh doanh, đặc biệt là hệ thống giao thông vận tải, xử lý nước thải, các khu công nghiệp. Quan tâm đến hình thành các cụm công nghiệp, nơi có các doanh nghiệp lớn, Tập đoàn đa quốc gia làm đầu tàu để thu hút các doanh nghiệp trong công nghiệp phụ trợ. Xây dựng các khu nhà xưởng “Ăn liền” để DNNVV có ngay nhà xưởng để thuê khi tiến hành sản xuất kinh doanh. Mặt khác, Việt Nam cũng cần xây dựng và ban hành các cơ chế chính sách phù hợp để khuyến khích thành phần tư nhân tham gia đầu tư vào cơ sở hạ tầng, giao thông và tạo sự đột phá trong hình thức đối tác công tư (PPP).

- Xây dựng một cơ quan đầu mối tập hợp các chương trình hỗ trợ kinh doanh của Chính phủ để doanh nghiệp và những người làm kinh doanh dễ dàng tiếp cận. Cần sớm ban hành văn bản hướng dẫn thi hành và triển khai có hiệu quả Luật Hỗ trợ DNNVV theo tinh thần tạo điều kiện thuận lợi cho việc huy động nguồn lực xã hội để cùng với Nhà nước hỗ trợ phát triển DNNVV.

#### **Thứ tư, cần khuyến khích chuyển đổi hộ kinh doanh phát triển thành doanh nghiệp, hỗ trợ các doanh nghiệp mới khởi sự có thể duy trì và phát triển thành công:**

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức về các lợi ích khi chuyển sang mô hình doanh nghiệp, nhằm cho các hộ kinh doanh thấy được việc chuyển đổi này mang lại nhiều lợi ích hơn là chi phí bỏ ra

- Tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn trang bị thêm các kỹ năng, kiến thức cần thiết cho các hộ kinh doanh khi chuyển đổi sang mô hình doanh nghiệp, giúp họ tự tin hơn khi chuyển sang doanh nghiệp

- Phải có những hỗ trợ thực tế trước và sau khi hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp, các sự hỗ trợ này bảo đảm tính liên tục tiếp sau khi đã thành lập doanh nghiệp trong thời gian đầu. Thí dụ, có thể được hỗ trợ việc chuyển đổi (không mất kinh phí), hỗ trợ cách thiết kế mở sổ sách kế toán, hay hỗ trợ về thuế...

- Có các chính sách, chương trình hỗ trợ, ưu đãi đối với các doanh nghiệp mới thành lập về tiếp cận vốn, thị trường

- Có giải pháp thúc đẩy phát triển thị trường dịch vụ hỗ trợ kinh doanh, giúp cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho các doanh nghiệp, nhất là các DNNVV để giảm chi phí kinh doanh cho doanh nghiệp

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp đề ra trong Nghị quyết 11-NQ/TW về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và Nghị quyết số 10-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.



**Thứ năm, các khuyến nghị đối với các hiệp hội doanh nghiệp, doanh nghiệp và cộng đồng khởi nghiệp:**

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền và nâng cao năng lực về hội nhập kinh tế quốc tế, đẩy mạnh các dịch vụ hỗ trợ phát triển thị trường để nâng cao khả năng cạnh tranh của từng doanh nghiệp để có thể tham gia được vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

- Chủ động và tích cực tham gia vào việc góp ý xây dựng các văn bản pháp luật liên quan đến kinh doanh cũng như cải thiện môi trường kinh doanh.

- Xây dựng một mạng lưới xã hội các dịch vụ tư vấn, cố vấn để hỗ trợ cho các hoạt động khởi nghiệp và kinh doanh. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các doanh nhân trẻ và doanh nhân nữ.

- Tận dụng công nghệ kỹ thuật số để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ và mô hình kinh doanh mới.

- Tích cực thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp trong doanh nghiệp thông qua khuyến khích đổi mới sáng tạo của các nhân viên, tăng cường đầu tư vào các hoạt động nghiên cứu ứng dụng./.

## PHỤ LỤC

## PHỤ LỤC 1: CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CỦA MỘT NỀN KINH TẾ

<b>Giai đoạn I</b>	<b>Phát triển dựa trên nguồn lực</b>	Bao gồm các nước cạnh tranh dựa chủ yếu vào nguồn lực đầu vào là lao động phổ thông và tài nguyên thiên nhiên. Tại các nền kinh tế này, các doanh nghiệp cạnh tranh chủ yếu dựa trên giá bán và kinh doanh các sản phẩm thông dụng, với năng suất thấp phản ánh thông qua mức lương thấp. Việc duy trì khả năng cạnh tranh trong giai đoạn này chủ yếu dựa vào sự hiệu quả của các tổ chức công và tư, với cơ sở hạ tầng phát triển tốt, một môi trường kinh tế vĩ mô ổn định và một lực lượng lao động đảm bảo với những kỹ năng giáo dục cơ bản.
<b>Giai đoạn II</b>	<b>Phát triển dựa trên hiệu quả</b>	Khi nền kinh tế trở nên cạnh tranh hơn, năng suất sẽ tăng và mức lương sẽ tăng cùng với lợi thế phát triển. Một quốc gia sẽ chuyển sang giai đoạn phát triển dựa trên hiệu quả khi họ phải bắt đầu để phát triển các quy trình sản xuất hiệu quả hơn và tăng chất lượng sản phẩm vì lương đã tăng và họ không thể tăng giá. Tại thời điểm này, tính cạnh tranh ngày càng được thúc đẩy bởi giáo dục và đào tạo, hiệu quả của các thị trường hàng hóa, hiệu quả của thị trường lao động, sự phát triển của thị trường tài chính, khả năng khai thác các lợi ích của công nghệ hiện có và một thị trường quy mô lớn trong nước hoặc quốc tế.
<b>Giai đoạn III</b>	<b>Phát triển dựa trên đổi mới</b>	Cuối cùng, khi quốc gia chuyển sang giai đoạn phát triển dựa trên đổi mới, tiền lương sẽ tăng lên rất nhanh do đó họ chỉ có thể duy trì những mức lương cao hơn và các tiêu chuẩn liên quan đến các chỉ số sống nếu doanh nghiệp của họ có thể cạnh tranh dựa vào các sản phẩm mới và độc đáo. Ở giai đoạn này, các công ty phải cạnh tranh bằng cách sản xuất hàng hóa mới và khác biệt dựa trên việc sử dụng quy trình sản xuất tinh vi nhất và đổi mới.

Nguồn: *The Global Competitiveness Report 2013-2014*

## PHỤ LỤC 2: CÁC CHỈ SỐ CƠ BẢN SỬ DỤNG TRONG NGHIÊN CỨU GEM

Chỉ số	Đo lường
<b>Thái độ và nhận thức về kinh doanh</b>	
Nhận thức về cơ hội kinh doanh	Tỷ lệ người từ 18-64 tuổi nhận biết có các cơ hội tốt để bắt đầu kinh doanh ở khu vực mà họ sinh sống
Nhận thức về khả năng kinh doanh	Tỷ lệ người từ 18-64 tuổi tin rằng có các kỹ năng và kiến thức cần thiết để bắt đầu kinh doanh
Ý định kinh doanh	Tỷ lệ người từ 18-64 tuổi (trừ những người đã tham gia vào kinh doanh) có ý định bắt đầu kinh doanh trong ba năm tới
Tỷ lệ sợ thất bại khi kinh doanh	Tỷ lệ người từ 18-64 tuổi cho rằng lo sợ thất bại đã ngăn cản họ khởi sự kinh doanh dù nhận thấy có cơ hội kinh doanh
Kinh doanh như một lựa chọn nghề nghiệp mong muốn	Tỷ lệ người từ 18-64 tuổi đồng ý với nhận định rằng hầu hết mọi người coi việc khởi sự kinh doanh như một lựa chọn nghề nghiệp mong muốn
Địa vị cao của các doanh nhân thành công	Tỷ lệ người từ 18-64 tuổi đồng ý với nhận định rằng các doanh nhân thành công rất được kính trọng
Sự chú ý của truyền thông đối với kinh doanh	Tỷ lệ người từ 18-64 tuổi đồng ý với nhận định rằng họ thường được nghe các câu chuyện kinh doanh thành công trên các phương tiện thông tin đại chúng
<b>Hoạt động kinh doanh</b>	
Tỷ lệ khởi sự kinh doanh	Tỷ lệ người từ 18-64 tuổi đang khởi sự kinh doanh, nghĩa là thành lập một hoạt động kinh doanh mà họ sở hữu hoặc đồng sở hữu; hoạt động kinh doanh này không trả lương hay một loại thanh toán nào cho người sở hữu nhiều hơn 3 tháng
Tỷ lệ sở hữu kinh doanh mới	Tỷ lệ người từ 18-64 tuổi vừa sở hữu và quản lý một hoạt động kinh doanh mới, nghĩa là sở hữu và quản lý một hoạt động kinh doanh mà hoạt động kinh doanh này trả lương hay một loại thanh toán nào cho người sở hữu nhiều hơn 3 tháng nhưng không quá 42 tháng
Tỷ lệ hoạt động kinh doanh ở giai đoạn khởi sự (TEA)	Tỷ lệ người từ 18-64 tuổi hiện đang khởi sự hoặc sở hữu một hoạt động kinh doanh mới (như định nghĩa ở trên)
Tỷ lệ sở hữu hoạt động kinh doanh đã ổn định	Tỷ lệ người từ 18-64 tuổi đang là chủ sở hữu và quản lý một doanh nghiệp đã ổn định, nghĩa là những hoạt động kinh doanh có trả lương hay các khoản thanh toán cho người sở hữu nhiều hơn 42 tháng
Tỷ lệ ngừng hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ người từ 18-64 tuổi đã ngừng kinh doanh trong vòng 12 tháng qua, bằng cách bán, đóng cửa hay từ bỏ hoạt động kinh doanh do mình là chủ sở hữu và quản lý. Chú ý: đây không phải thước đo cho tỷ lệ thất bại khi kinh doanh
Tỷ lệ hoạt động kinh doanh vì sự cần thiết	Tỷ lệ những người trong giai đoạn khởi sự kinh doanh (TEA) tham gia vào kinh doanh vì không có lựa chọn công việc nào khác.
Tỷ lệ hoạt động kinh doanh để tận dụng cơ hội cải thiện	Tỷ lệ những người trong giai đoạn khởi sự kinh doanh (TEA) tham gia vào kinh doanh để tận dụng các cơ hội nhằm trở nên độc lập hơn hoặc tăng thu nhập, chứ không chỉ để duy trì mức thu nhập hiện tại

## PHỤ LỤC 2: CÁC CHỈ SỐ CƠ BẢN SỬ DỤNG TRONG NGHIÊN CỨU GEM (tiếp)

Chỉ số	Đo lường
<b>Triển vọng kinh doanh</b>	
Kỳ vọng tăng trưởng cao trong giai đoạn khởi nghiệp hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ các hoạt động kinh doanh trong giai đoạn khởi sự kinh doanh (TEA) kỳ vọng sử dụng ít nhất 20 nhân viên trong 5 năm tới.
Định hướng đổi mới trong giai đoạn khởi nghiệp hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ các hoạt động kinh doanh trong giai đoạn khởi sự kinh doanh (TEA) cho rằng sản phẩm và dịch vụ của họ là mới đối với ít nhất vài khách hàng và không nhiều doanh nghiệp cung cấp cùng sản phẩm dịch vụ tương tự
Định hướng quốc tế các hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ các hoạt động kinh doanh trong giai đoạn khởi sự kinh doanh (TEA) với hơn 25% khách hàng đến từ các nước khác
<b>Khung hỗ trợ kinh doanh</b>	
Tài chính doanh nghiệp	Sự sẵn có về các nguồn lực tài chính (nguồn vốn đi vay và nguồn vốn tự có) phục vụ các hoạt động kinh doanh
Chính sách của chính phủ	Mức độ mà các chính sách công hỗ trợ kinh doanh. Chỉ số kinh doanh này bao gồm 2 chỉ số thành phần: 2a. Chính sách chung chính phủ: Mức độ hỗ trợ kinh doanh của các chính sách của Chính phủ 2b. Quy định Chính phủ: Mức độ hỗ trợ kinh doanh của các quy định (về thuế, đăng ký kinh doanh,...) của Chính phủ.
Chương trình hỗ trợ của Chính phủ	Khả năng tiếp cận và chất lượng của các chương trình hỗ trợ kinh doanh của Chính phủ
Giáo dục kinh doanh	Mức độ mà đào tạo trong việc tạo ra hoặc quản lý các doanh nghiệp nhỏ và vừa được tích hợp trong hệ thống giáo dục và đào tạo ở các cấp. Chỉ số kinh doanh này có hai chỉ số thành phần: 4a. Giáo dục về kinh doanh ở bậc phổ thông: Mức độ giảng dạy về kinh doanh trong hệ thống giáo dục ở bậc phổ thông (tiểu học, phổ thông cơ sở, phổ thông trung học) 4b. Giáo dục về kinh doanh sau phổ thông: Mức độ giảng dạy về kinh doanh trong hệ thống giáo dục ở bậc sau phổ thông (cao đẳng, đại học, sau đại học)
Chuyển giao công nghệ	Khả năng thương mại hóa và chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học đến các doanh nghiệp
Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh	Mức độ phát triển của các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh như bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, kế toán, kiểm toán, pháp lý,...
Quy định gia nhập	Bao gồm 2 chỉ số thành phần: 7a. Năng động của thị trường nội địa: Mức độ biến động của thị trường nội địa (gồm thị trường tiêu dùng và thị trường công nghiệp) 7b. Độ mở cửa của thị trường nội địa: Mức độ dễ dàng mà các doanh nghiệp mới có thể gia nhập thị trường hiện tại
Cơ sở hạ tầng	Mức độ dễ dàng tiếp cận đến các cơ sở hạ tầng và các dịch vụ tiện ích như: giao thông, điện, nước, gaz, thông tin liên lạc,...
Văn hóa và chuẩn mực xã hội	Mức độ mà văn hóa và chuẩn mực xã hội khuyến khích hoặc cho phép phát triển các hoạt động kinh doanh để làm giàu.

Nguồn: Báo cáo GEM toàn cầu 2015

## KHỞ SỰ KINH DOANH Ở VIỆT NAM NĂM 2017



**Dân số:** 93.7 triệu (2017)

**GDP:** 223 tỷ USD (2017)

**GDP bình quân đầu người:** 2358 USD (2017)

**Xếp hạng về môi trường kinh doanh** theo Doing Business 2018 của Ngân hàng Thế giới: 68/190

**Xếp hạng năng lực cạnh tranh** theo Báo cáo Năng lực cạnh tranh toàn cầu 2017-2018 của Diễn đàn Kinh tế Thế giới: 55/137

**Trình độ phát triển kinh tế:** Phát triển dựa trên nguồn lực (đang trong giai đoạn chuyển tiếp lên phát triển dựa trên hiệu quả)

**Số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập năm 2017:** 128.859 doanh nghiệp

**Số lượng doanh nghiệp hoạt động năm 2017:** 561 nghìn doanh nghiệp

Nhận thức về kinh doanh	Điểm	Hạng/54
Nhận thức về cơ hội kinh doanh	46,4	23
Nhận thức về khả năng kinh doanh	53,0	19
Lo sợ thất bại khi kinh doanh	46,6	10
Ý định khởi nghiệp	25,0	19

Khởi nghiệp và phát triển kinh doanh	Điểm	Hạng/54
Tỷ lệ khởi nghiệp năm 2017	23,3	6
Tỷ lệ khởi nghiệp năm 2015	13,7	20/60
Tỷ lệ khởi nghiệp năm 2013	15,4	-
Tỷ lệ các hoạt động kinh doanh đã ổn định	24,7	3
Tỷ lệ khởi nghiệp trong doanh nghiệp	0,6	45

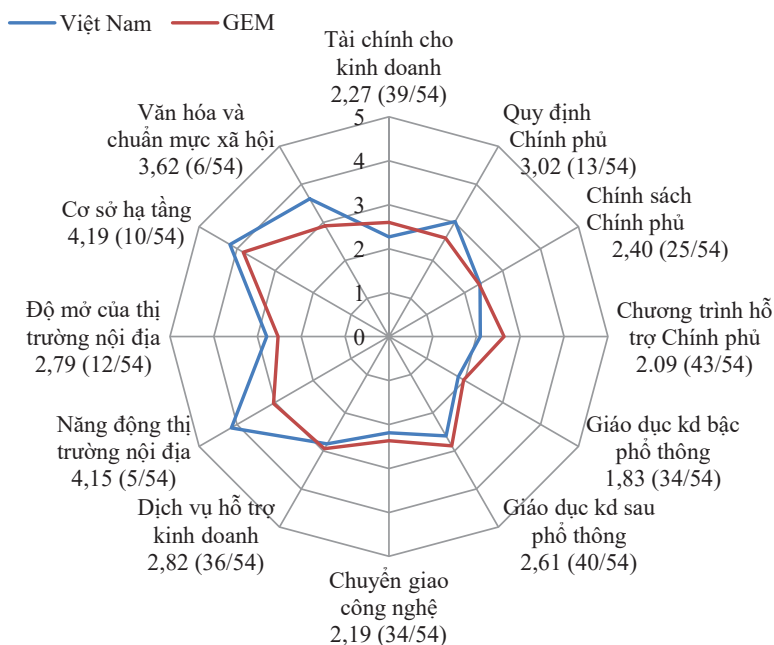
Động cơ khởi nghiệp	Điểm	Hạng/54
Tỷ lệ khởi nghiệp để tận dụng cơ hội hoàn thiện/khởi nghiệp vì nhu cầu thiết yếu	4,6	9

Khởi nghiệp ở nữ giới	Điểm	Hạng/54
Tỷ lệ khởi nghiệp nữ giới/nam giới	1,14	1
Tỷ lệ khởi nghiệp để tận dụng cơ hội của nữ giới/nam giới	0,94	27

Triển vọng kinh doanh ở Việt Nam	Điểm	Hạng/54
Triển vọng tăng trưởng cao về việc làm	9,1	44
Chỉ số đổi mới	13,9	48
Tỷ lệ khởi sự trong các ngành dịch vụ phục vụ doanh nghiệp	6,5	43

Nhận thức xã hội về khởi nghiệp	Điểm	Hạng/54
Doanh nhân thành công có địa vị xã hội cao	74,8	15
Kinh doanh là một lựa chọn nghề nghiệp tốt	62,1	27

### Hệ sinh thái khởi nghiệp ở Việt Nam năm 2017



**NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN**

64 Bà Triệu - Hà Nội - ĐT: (84.024). 62631718  
Fax: 024.39436024. Website: [nxbthanhvien.vn](http://nxbthanhvien.vn);  
email: [info@nxbthanhvien.vn](mailto:info@nxbthanhvien.vn)  
Chi nhánh: 27B Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao,  
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. ĐT: (028) 39106263

**Tên sách**

**BÁO CÁO CHỈ SỐ KHỞI NGHIỆP VIỆT NAM 2017/2018**

Tên tác giả/tổ chức:

**PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc – Tổng Biên tập **Nguyễn Xuân Trường**

Biên tập: **Đoàn Phan Thắng**

Trình bày: **Anh Vũ**

In 400 bản, khổ 20.5 x 28.5 cm tại công ty TNHH In và TM Trần Gia,  
460 Trần Quý Cáp, Đống Đa, Hà Nội.

Quyết định xuất bản số:

Số xác nhận đăng ký xuất bản:

In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 2018.



BÁO CÁO

# CHỈ SỐ KHỞI NGHIỆP VIỆT NAM 2017/2018

SÁCH KHÔNG BÁN  
BOOK NOT FOR SELL  
ISBN: